

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GXFX	N PT 23	1945	L. 23	SUBMARINE	*	*
GXGB	N PT 26	1945	L. 26	SUBMARINE	*	*
GXGC	N PT 27	1945	L. 27	SUBMARINE	*	*
QDKD	*	1945	L.A.C. PAVIN (T)	*	*	*
GXTW	*	1964	L.C. (N) 603	*	ROYAL NAVY	*
GXTX	*	1964	L.C. (N) 604	*	ROYAL NAVY	*
MSRV	*	1956	L.C. 10	*	ADMIRALTY	*
MSRV	*	1961	L.C. 10	*	ADMIRALTY	*
MSRV	*	1964	L.C. 10	*	UK - ADMIRALTY	*
MSRW	*	1956	L.C. 11	*	ADMIRALTY	*
MSRW	*	1961	L.C. 11	*	ADMIRALTY	*
MSRW	*	1964	L.C. 11	*	UK - ADMIRALTY	*
MSRX	*	1956	L.C. 12	*	ADMIRALTY	*
MSRX	*	1961	L.C. 12	*	ADMIRALTY	*
MSRY	*	1956	L.C. 14	*	ADMIRALTY	*
MSRY	*	1961	L.C. 14	*	ADMIRALTY	*
MSRZ	*	1956	L.C. 15	*	ADMIRALTY	*
MSRZ	*	1961	L.C. 15	*	ADMIRALTY	*
MSSB	*	1956	L.C. 16	*	ADMIRALTY	*
MSSB	*	1961	L.C. 16	*	ADMIRALTY	*
MSSB	*	1964	L.C. 16	*	UK - ADMIRALTY	*
MSSC	*	1956	L.C. 17	*	ADMIRALTY	*
MSSC	*	1961	L.C. 17	*	ADMIRALTY	*
MSSC	*	1964	L.C. 17	*	UK - ADMIRALTY	*
MSSF	*	1956	L.C. 19	*	ADMIRALTY	*
MSSF	*	1961	L.C. 19	*	ADMIRALTY	*
MSSF	*	1964	L.C. 19	*	UK - ADMIRALTY	*
MSSG	*	1956	L.C. 20	*	ADMIRALTY	*
MSSG	*	1961	L.C. 20	*	ADMIRALTY	*
MSSG	*	1964	L.C. 20	*	UK - ADMIRALTY	*
MSSI	*	1956	L.C. 21	*	ADMIRALTY	*
MSSI	*	1961	L.C. 21	*	ADMIRALTY	*
MSSI	*	1964	L.C. 21	*	UK - ADMIRALTY	*
MSSK	*	1956	L.C. 22	*	ADMIRALTY	*
MSSK	*	1961	L.C. 22	*	ADMIRALTY	*
MSSK	*	1964	L.C. 22	*	UK - ADMIRALTY	*
MMPB	*	1956	L.C. 23	*	ADMIRALTY	*
MMPB	*	1961	L.C. 23	*	ADMIRALTY	*
MMPB	*	1964	L.C. 23	*	UK - ADMIRALTY	*
MMRN	*	1956	L.C. 24	*	ADMIRALTY	*
MMRN	*	1961	L.C. 24	*	ADMIRALTY	*
MMRN	*	1964	L.C. 24	*	UK - ADMIRALTY	*
GLWM	*	1945	L.C. 25	LANDING CRAFT	*	*
GLWM	*	1956	L.C. 25	*	ADMIRALTY	*
GLWM	*	1961	L.C. 25	*	ADMIRALTY	*
GLWM	*	1964	L.C. 25	*	UK - ADMIRALTY	*
GLWV	*	1945	L.C. 26	LANDING CRAFT	*	*
GLWV	*	1956	L.C. 26	*	ADMIRALTY	*
GLWV	*	1961	L.C. 26	*	ADMIRALTY	*
GLWV	*	1964	L.C. 26	*	UK - ADMIRALTY	*
GLWX	*	1945	L.C. 27	LANDING CRAFT	*	*
GLWX	*	1956	L.C. 27	*	ADMIRALTY	*
GLWX	*	1961	L.C. 27	*	ADMIRALTY	*
GLWX	*	1964	L.C. 27	*	UK - ADMIRALTY	*
GLXL	*	1945	L.C. 28	LANDING CRAFT	*	*
GLXL	*	1956	L.C. 28	*	ADMIRALTY	*
GLXL	*	1961	L.C. 28	*	ADMIRALTY	*
GLXL	*	1964	L.C. 28	*	UK - ADMIRALTY	*
MSRS	*	1956	L.C. 8	*	ADMIRALTY	*
MSRS	*	1961	L.C. 8	*	ADMIRALTY	*
MSRS	*	1964	L.C. 8	*	UK - ADMIRALTY	*
MSRT	*	1956	L.C. 9	*	ADMIRALTY	*
MSRT	*	1961	L.C. 9	*	ADMIRALTY	*
MSRT	*	1964	L.C. 9	*	UK - ADMIRALTY	*
MVLX	*	1956	L.C.(N) 602	*	*	*
GXTW	*	1961	L.C.(N) 603	*	*	*
GXTX	*	1961	L.C.(N) 604	*	*	*
BTFB	*	1945	L.C.F. 1	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFN	*	1945	L.C.F. 10	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFP	*	1945	L.C.F. 11	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFQ	*	1945	L.C.F. 12	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFR	*	1945	L.C.F. 13	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTF5	*	1945	L.C.F. 14	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTF7	*	1945	L.C.F. 15	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFV	*	1945	L.C.F. 16	LANDING CRAFT FLAK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
BTFW	*	1945	L.C.F. 17	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFX	*	1945	L.C.F. 18	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTGM	*	1945	L.C.F. 19	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTGN	*	1945	L.C.F. 20	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTBC	*	1945	L.C.F. 21	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTGQ	*	1945	L.C.F. 22	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTGR	*	1945	L.C.F. 23	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTGS	*	1945	L.C.F. 24	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXFM	*	1945	L.C.F. 25	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXZX	*	1945	L.C.F. 26	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MYDD	*	1945	L.C.F. 27	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFY	*	1945	L.C.F. 29	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFD	*	1945	L.C.F. 3	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXZY	*	1945	L.C.F. 30	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTBB	*	1945	L.C.F. 31	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFZ	*	1945	L.C.F. 32	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXBK	*	1945	L.C.F. 33	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MYKZ	*	1945	L.C.F. 34	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTBK	*	1945	L.C.F. 35	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXBM	*	1945	L.C.F. 36	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXIY	*	1945	L.C.F. 37	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXJZ	*	1945	L.C.F. 38	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFC	*	1945	L.C.F. 39	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFE	*	1945	L.C.F. 4	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MXZZ	*	1945	L.C.F. 40	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MVKT	*	1945	L.C.F. 42	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFG	*	1945	L.C.F. 5	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFJ	*	1945	L.C.F. 6	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFK	*	1945	L.C.F. 7	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFI	*	1945	L.C.F. 8	LANDING CRAFT FLAK	*	*
BTFM	*	1945	L.C.F. 9	LANDING CRAFT FLAK	*	*
MRKK	*	1945	L.C.G. (L)(3) 01	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKL	*	1945	L.C.G. (L)(3) 02	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTBV	*	1945	L.C.G. (L)(3) 03	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKM	*	1945	L.C.G. (L)(3) 04	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKN	*	1945	L.C.G. (L)(3) 05	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTBM	*	1945	L.C.G. (L)(3) 06	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTBP	*	1945	L.C.G. (L)(3) 07	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTBQ	*	1945	L.C.G. (L)(3) 08	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKB	*	1945	L.C.G. (L)(3) 09	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTCL	*	1945	L.C.G. (L)(3) 10	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTCK	*	1945	L.C.G. (L)(3) 11	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKC	*	1945	L.C.G. (L)(3) 12	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKD	*	1945	L.C.G. (L)(3) 13	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKF	*	1945	L.C.G. (L)(3) 14	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKG	*	1945	L.C.G. (L)(3) 16	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKI	*	1945	L.C.G. (L)(3) 17	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTGZ	*	1945	L.C.G. (L)(3) 18	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTCL	*	1945	L.C.G. (L)(3) 19	LANDING CRAFT GUN	*	*
MRKP	*	1945	L.C.G. (L)(3) 20	LANDING CRAFT GUN	*	*
MXCD	*	1945	L.C.G. (L)(4) 21	LANDING CRAFT GUN	*	*
MXFD	*	1945	L.C.G. (L)(4) 22	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTGL	*	1945	L.C.G. (L)(4) 23	LANDING CRAFT GUN	*	*
MVDJ	*	1945	L.C.G. (L)(4) 24	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTGJ	*	1945	L.C.G. (L)(4) 25	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXTD	*	1945	L.C.G. (L)(4) 26	LANDING CRAFT GUN	*	*
MXFB	*	1945	L.C.G. (L)(4) 27	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTRC	*	1945	L.C.G. (L)(4) 28	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTSL	*	1945	L.C.G. (L)(4) 29	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTSX	*	1945	L.C.G. (M)(1) 101	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTSY	*	1945	L.C.G. (M)(1) 102	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXJG	*	1945	L.C.G. (M)(1) 103	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXJJ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 104	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXJM	*	1945	L.C.G. (M)(1) 105	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXJZ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 106	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXKL	*	1945	L.C.G. (M)(1) 107	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXKN	*	1945	L.C.G. (M)(1) 108	LANDING CRAFT GUN	*	*
GXKV	*	1945	L.C.G. (M)(1) 109	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVMC	*	1945	L.C.G. (M)(1) 110	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVMD	*	1945	L.C.G. (M)(1) 111	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVMF	*	1945	L.C.G. (M)(1) 112	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVMG	*	1945	L.C.G. (M)(1) 113	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPR	*	1945	L.C.G. (M)(1) 114	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPS	*	1945	L.C.G. (M)(1) 115	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPT	*	1945	L.C.G. (M)(1) 116	LANDING CRAFT GUN	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GXRP	*	1945	L.C.G. (M)(1) 117	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVQY	*	1945	L.C.G. (M)(1) 118	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVQZ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 119	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVRB	*	1945	L.C.G. (M)(1) 120	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVRC	*	1945	L.C.G. (M)(1) 121	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCPF	*	1945	L.C.G. (M)(1) 122	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCPZ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 123	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQB	*	1945	L.C.G. (M)(1) 124	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVRD	*	1945	L.C.G. (M)(1) 125	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDVD	*	1945	L.C.G. (M)(1) 126	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDVF	*	1945	L.C.G. (M)(1) 127	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDVG	*	1945	L.C.G. (M)(1) 128	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDVJ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 129	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDSQ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 130	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDSN	*	1945	L.C.G. (M)(1) 131	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDWB	*	1945	L.C.G. (M)(1) 132	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDWC	*	1945	L.C.G. (M)(1) 133	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVMJ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 143	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPF	*	1945	L.C.G. (M)(1) 144	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPG	*	1945	L.C.G. (M)(1) 145	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPV	*	1945	L.C.G. (M)(1) 146	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVRF	*	1945	L.C.G. (M)(1) 147	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVRG	*	1945	L.C.G. (M)(1) 148	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQD	*	1945	L.C.G. (M)(1) 149	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQC	*	1945	L.C.G. (M)(1) 150	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPK	*	1945	L.C.G. (M)(1) 175	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPJ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 176	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVPW	*	1945	L.C.G. (M)(1) 177	LANDING CRAFT GUN	*	*
MYCZ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 178	LANDING CRAFT GUN	*	*
MYDB	*	1945	L.C.G. (M)(1) 179	LANDING CRAFT GUN	*	*
BVRI	*	1945	L.C.G. (M)(1) 180	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCPG	*	1945	L.C.G. (M)(1) 181	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCPI	*	1945	L.C.G. (M)(1) 182	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCPK	*	1945	L.C.G. (M)(1) 183	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCPL	*	1945	L.C.G. (M)(1) 184	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQF	*	1945	L.C.G. (M)(1) 185	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQG	*	1945	L.C.G. (M)(1) 186	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQJ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 187	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQP	*	1945	L.C.G. (M)(1) 188	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQQ	*	1945	L.C.G. (M)(1) 189	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQR	*	1945	L.C.G. (M)(1) 190	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQS	*	1945	L.C.G. (M)(1) 191	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQT	*	1945	L.C.G. (M)(1) 192	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQV	*	1945	L.C.G. (M)(1) 193	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQW	*	1945	L.C.G. (M)(1) 194	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQX	*	1945	L.C.G. (M)(1) 195	LANDING CRAFT GUN	*	*
QCQY	*	1945	L.C.G. (M)(1) 196	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDWD	*	1945	L.C.G. (M)(2) 513	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDVN	*	1945	L.C.G. (M)(2) 514	LANDING CRAFT GUN	*	*
QDWF	*	1945	L.C.G. (M)(2) 515	LANDING CRAFT GUN	*	*
BTPN	*	1945	L.C.H. 100	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZMY	*	1945	L.C.H. 187	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
QDMT	*	1945	L.C.H. 193	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
QDMV	*	1945	L.C.H. 229	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
QDMW	*	1945	L.C.H. 231	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
QDMX	*	1945	L.C.H. 238	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZQG	*	1945	L.C.H. 239	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZQL	*	1945	L.C.H. 242	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZQM	*	1945	L.C.H. 243	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
MJBB	*	1956	L.C.H. 243	*	*	*
GZQP	*	1945	L.C.H. 245	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZQT	*	1945	L.C.H. 248	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZRY	*	1945	L.C.H. 269	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZSK	*	1945	L.C.H. 275	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
CZXT	*	1945	L.C.H. 317	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
QDMR	*	1945	L.C.H. 35	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
QDMS	*	1945	L.C.H. 75	LANDING CRAFT HEADQUARTERS	*	*
QDNZ	*	1945	L.C.I.(L) 003	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPB	*	1945	L.C.I.(L) 004	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPC	*	1945	L.C.I.(L) 005	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZJ	*	1945	L.C.I.(L) 006	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLK	*	1945	L.C.I.(L) 007	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPD	*	1945	L.C.I.(L) 008	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPF	*	1945	L.C.I.(L) 009	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPG	*	1945	L.C.I.(L) 010	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QDPX	*	1945	L.C.I.(L) 011	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPJ	*	1945	L.C.I.(L) 012	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPK	*	1945	L.C.I.(L) 013	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPL	*	1945	L.C.I.(L) 014	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPM	*	1945	L.C.I.(L) 015	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPN	*	1945	L.C.I.(L) 016	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPY	*	1945	L.C.I.(L) 033	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNG	*	1945	L.C.I.(L) 097	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNK	*	1945	L.C.I.(L) 099	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNP	*	1945	L.C.I.(L) 102	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNQ	*	1945	L.C.I.(L) 103	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNR	*	1945	L.C.I.(L) 104	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNS	*	1945	L.C.I.(L) 105	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNT	*	1945	L.C.I.(L) 106	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNV	*	1945	L.C.I.(L) 107	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNW	*	1945	L.C.I.(L) 108	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNX	*	1945	L.C.I.(L) 109	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZNY	*	1945	L.C.I.(L) 110	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPB	*	1945	L.C.I.(L) 111	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPD	*	1945	L.C.I.(L) 112	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPF	*	1945	L.C.I.(L) 113	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPG	*	1945	L.C.I.(L) 114	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPJ	*	1945	L.C.I.(L) 115	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPK	*	1945	L.C.I.(L) 116	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPL	*	1945	L.C.I.(L) 117	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPM	*	1945	L.C.I.(L) 118	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPN	*	1945	L.C.I.(L) 119	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPQ	*	1945	L.C.I.(L) 120	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPR	*	1945	L.C.I.(L) 121	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPS	*	1945	L.C.I.(L) 122	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPT	*	1945	L.C.I.(L) 123	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPV	*	1945	L.C.I.(L) 124	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPW	*	1945	L.C.I.(L) 125	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPX	*	1945	L.C.I.(L) 126	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZPY	*	1945	L.C.I.(L) 127	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQB	*	1945	L.C.I.(L) 128	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQD	*	1945	L.C.I.(L) 129	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQF	*	1945	L.C.I.(L) 130	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVK	*	1945	L.C.I.(L) 131	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVL	*	1945	L.C.I.(L) 132	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVM	*	1945	L.C.I.(L) 133	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVN	*	1945	L.C.I.(L) 134	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVP	*	1945	L.C.I.(L) 135	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVQ	*	1945	L.C.I.(L) 136	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLN	*	1945	L.C.I.(L) 161	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLP	*	1945	L.C.I.(L) 162	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLQ	*	1945	L.C.I.(L) 163	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLR	*	1945	L.C.I.(L) 164	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLS	*	1945	L.C.I.(L) 165	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLT	*	1945	L.C.I.(L) 166	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLX	*	1945	L.C.I.(L) 169	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLY	*	1945	L.C.I.(L) 170	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMB	*	1945	L.C.I.(L) 171	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMD	*	1945	L.C.I.(L) 172	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMF	*	1945	L.C.I.(L) 173	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMG	*	1945	L.C.I.(L) 174	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMJ	*	1945	L.C.I.(L) 175	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMK	*	1945	L.C.I.(L) 176	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZML	*	1945	L.C.I.(L) 177	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMN	*	1945	L.C.I.(L) 178	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMP	*	1945	L.C.I.(L) 179	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMQ	*	1945	L.C.I.(L) 180	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMR	*	1945	L.C.I.(L) 181	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMS	*	1945	L.C.I.(L) 182	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMT	*	1945	L.C.I.(L) 183	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMV	*	1945	L.C.I.(L) 184	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZMX	*	1945	L.C.I.(L) 186	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDMT	*	1945	L.C.I.(L) 193	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPP	*	1945	L.C.I.(L) 209	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZLM	*	1945	L.C.I.(L) 210	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPQ	*	1945	L.C.I.(L) 211	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPR	*	1945	L.C.I.(L) 212	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPS	*	1945	L.C.I.(L) 213	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPT	*	1945	L.C.I.(L) 214	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPV	*	1945	L.C.I.(L) 215	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QCRC	*	1945	L.C.I.(L) 216	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QCRD	*	1945	L.C.I.(L) 217	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDPW	*	1945	L.C.I.(L) 218	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDMV	*	1945	L.C.I.(L) 229	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
GBBJ	*	1945	L.C.I.(L) 238	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQJ	*	1945	L.C.I.(L) 240	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQK	*	1945	L.C.I.(L) 241	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQL	*	1945	L.C.I.(L) 242	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQM	*	1945	L.C.I.(L) 243	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQN	*	1945	L.C.I.(L) 244	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQR	*	1945	L.C.I.(L) 246	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQS	*	1945	L.C.I.(L) 247	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQV	*	1945	L.C.I.(L) 249	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQW	*	1945	L.C.I.(L) 250	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQX	*	1945	L.C.I.(L) 251	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZQY	*	1945	L.C.I.(L) 252	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRB	*	1945	L.C.I.(L) 253	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRD	*	1945	L.C.I.(L) 254	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRF	*	1945	L.C.I.(L) 255	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRG	*	1945	L.C.I.(L) 256	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRJ	*	1945	L.C.I.(L) 257	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRK	*	1945	L.C.I.(L) 258	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRL	*	1945	L.C.I.(L) 259	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRM	*	1945	L.C.I.(L) 260	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRN	*	1945	L.C.I.(L) 261	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRP	*	1945	L.C.I.(L) 262	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRQ	*	1945	L.C.I.(L) 263	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRS	*	1945	L.C.I.(L) 264	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRT	*	1945	L.C.I.(L) 265	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRV	*	1945	L.C.I.(L) 266	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRW	*	1945	L.C.I.(L) 267	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRX	*	1945	L.C.I.(L) 268	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSB	*	1945	L.C.I.(L) 270	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSD	*	1945	L.C.I.(L) 271	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSF	*	1945	L.C.I.(L) 272	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSG	*	1945	L.C.I.(L) 273	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSJ	*	1945	L.C.I.(L) 274	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSL	*	1945	L.C.I.(L) 276	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSM	*	1945	L.C.I.(L) 277	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSN	*	1945	L.C.I.(L) 278	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSP	*	1945	L.C.I.(L) 279	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSQ	*	1945	L.C.I.(L) 280	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVR	*	1945	L.C.I.(L) 281	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVS	*	1945	L.C.I.(L) 282	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVT	*	1945	L.C.I.(L) 283	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVW	*	1945	L.C.I.(L) 284	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVX	*	1945	L.C.I.(L) 285	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVY	*	1945	L.C.I.(L) 286	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWB	*	1945	L.C.I.(L) 287	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWD	*	1945	L.C.I.(L) 288	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWF	*	1945	L.C.I.(L) 289	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWG	*	1945	L.C.I.(L) 290	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWJ	*	1945	L.C.I.(L) 291	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWK	*	1945	L.C.I.(L) 292	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWL	*	1945	L.C.I.(L) 293	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWM	*	1945	L.C.I.(L) 294	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWN	*	1945	L.C.I.(L) 295	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWP	*	1945	L.C.I.(L) 296	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWQ	*	1945	L.C.I.(L) 297	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWR	*	1945	L.C.I.(L) 298	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWS	*	1945	L.C.I.(L) 299	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWT	*	1945	L.C.I.(L) 300	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVW	*	1945	L.C.I.(L) 301	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWX	*	1945	L.C.I.(L) 302	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWY	*	1945	L.C.I.(L) 303	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXB	*	1945	L.C.I.(L) 304	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXD	*	1945	L.C.I.(L) 305	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXF	*	1945	L.C.I.(L) 306	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZYG	*	1945	L.C.I.(L) 307	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZJ	*	1945	L.C.I.(L) 308	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZKK	*	1945	L.C.I.(L) 309	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXL	*	1945	L.C.I.(L) 310	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXM	*	1945	L.C.I.(L) 311	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZKN	*	1945	L.C.I.(L) 312	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXP	*	1945	L.C.I.(L) 313	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
CZXQ	*	1945	L.C.I.(I) 314	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXR	*	1945	L.C.I.(I) 315	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZXS	*	1945	L.C.I.(I) 316	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZ XV	*	1945	L.C.I.(I) 318	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRC	*	1945	L.C.I.(I) 374	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRR	*	1945	L.C.I.(I) 375	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRZ	*	1945	L.C.I.(I) 376	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSC	*	1945	L.C.I.(I) 377	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSS	*	1945	L.C.I.(I) 378	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZSZ	*	1945	L.C.I.(I) 379	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZTC	*	1945	L.C.I.(I) 380	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVC	*	1945	L.C.I.(I) 383	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVY	*	1945	L.C.I.(I) 384	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZVZ	*	1945	L.C.I.(I) 385	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWG	*	1945	L.C.I.(I) 386	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWW	*	1945	L.C.I.(I) 387	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZWZ	*	1945	L.C.I.(I) 388	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDMY	*	1945	L.C.I.(I) 411	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNF	*	1945	L.C.I.(I) 493	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNG	*	1945	L.C.I.(I) 494	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNI	*	1945	L.C.I.(I) 495	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNK	*	1945	L.C.I.(I) 496	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNL	*	1945	L.C.I.(I) 498	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNM	*	1945	L.C.I.(I) 499	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNP	*	1945	L.C.I.(I) 501	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNQ	*	1945	L.C.I.(I) 505	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNR	*	1945	L.C.I.(I) 507	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNS	*	1945	L.C.I.(I) 508	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNT	*	1945	L.C.I.(I) 509	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNV	*	1945	L.C.I.(I) 510	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNW	*	1945	L.C.I.(I) 511	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDNX	*	1945	L.C.I.(I) 512	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGD	*	1945	L.C.I.(S) 2501	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGF	*	1945	L.C.I.(S) 2502	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGC	*	1945	L.C.I.(S) 2503	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGG	*	1945	L.C.I.(S) 2504	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGI	*	1945	L.C.I.(S) 2505	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGK	*	1945	L.C.I.(S) 2506	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGB	*	1945	L.C.I.(S) 2507	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGL	*	1945	L.C.I.(S) 2508	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGM	*	1945	L.C.I.(S) 2509	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGN	*	1945	L.C.I.(S) 2510	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGP	*	1945	L.C.I.(S) 2511	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGQ	*	1945	L.C.I.(S) 2512	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGR	*	1945	L.C.I.(S) 2513	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGS	*	1945	L.C.I.(S) 2514	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGT	*	1945	L.C.I.(S) 2515	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGV	*	1945	L.C.I.(S) 2516	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGW	*	1945	L.C.I.(S) 2517	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGX	*	1945	L.C.I.(S) 2518	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGY	*	1945	L.C.I.(S) 2519	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRGZ	*	1945	L.C.I.(S) 2520	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIB	*	1945	L.C.I.(S) 2521	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIC	*	1945	L.C.I.(S) 2522	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRID	*	1945	L.C.I.(S) 2523	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIF	*	1945	L.C.I.(S) 2524	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIG	*	1945	L.C.I.(S) 2525	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIJ	*	1945	L.C.I.(S) 2526	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIK	*	1945	L.C.I.(S) 2527	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIL	*	1945	L.C.I.(S) 2528	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIM	*	1945	L.C.I.(S) 2529	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIN	*	1945	L.C.I.(S) 2530	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIJ	*	1945	L.C.I.(S) 2531	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRJQ	*	1945	L.C.I.(S) 2532	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRJR	*	1945	L.C.I.(S) 2533	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRJS	*	1945	L.C.I.(S) 2534	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIT	*	1945	L.C.I.(S) 2535	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRJV	*	1945	L.C.I.(S) 2536	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIW	*	1945	L.C.I.(S) 2537	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIX	*	1945	L.C.I.(S) 2538	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRIY	*	1945	L.C.I.(S) 2539	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
MRJZ	*	1945	L.C.I.(S) 2540	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
QDSP	*	1945	L.C.I.(S) 502	LANDING CRAFT INFANTRY	*	*
CZRC	*	1945	L.C.Q. 374	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
CZTT	*	1945	L.C.Q. 381	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
CZTZ	*	1945	L.C.Q. 382	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
CZVC	*	1945	L.C.Q. 383	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
CZVZ	*	1945	L.C.Q. 385	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
CZWC	*	1945	L.C.Q. 386	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
CZXC	*	1945	L.C.Q. 389	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
CZXX	*	1945	L.C.Q. 390	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
CZXZ	*	1945	L.C.Q. 391	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QCRF	*	1945	L.C.Q. 487	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QCRG	*	1945	L.C.Q. 488	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDMZ	*	1945	L.C.Q. 489	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDNB	*	1945	L.C.Q. 490	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDNC	*	1945	L.C.Q. 491	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDND	*	1945	L.C.Q. 492	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDNG	*	1945	L.C.Q. 494	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDNJ	*	1945	L.C.Q. 495	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDNN	*	1945	L.C.Q. 500	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDNV	*	1945	L.C.Q. 510	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
QDNY	*	1945	L.C.Q. 537	LANDING CRAFT ADMINISTRATION	*	*
MRFP	*	1945	L.C.S.(L)(2)251	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFQ	*	1945	L.C.S.(L)(2)252	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFR	*	1945	L.C.S.(L)(2)253	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFS	*	1945	L.C.S.(L)(2)254	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFT	*	1945	L.C.S.(L)(2)255	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFV	*	1945	L.C.S.(L)(2)256	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFW	*	1945	L.C.S.(L)(2)257	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFX	*	1945	L.C.S.(L)(2)258	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MREF	*	1945	L.C.S.(L)(2)259	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFZ	*	1945	L.C.S.(L)(2)260	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDSJ	*	1945	L.C.S.(R) 001	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDVK	*	1945	L.C.S.(R) 002	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDWG	*	1945	L.C.S.(R) 004	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDWJ	*	1945	L.C.S.(R) 005	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDWK	*	1945	L.C.S.(R) 006	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDXT	*	1945	L.C.S.(R) 007	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDXV	*	1945	L.C.S.(R) 009	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDXW	*	1945	L.C.S.(R) 011	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
QDVL	*	1945	L.C.S.(R) 025	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFK	*	1945	L.C.S.(R) 136	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFL	*	1945	L.C.S.(R) 140	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFM	*	1945	L.C.S.(R) 141	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
BTBJ	*	1945	L.C.S.(R) 147	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
BTBL	*	1945	L.C.S.(R) 167	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRFN	*	1945	L.C.S.(R) 171	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRMR	*	1945	L.C.S.(R) 331	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRMV	*	1945	L.C.S.(R) 334	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MVMJ	*	1945	L.C.S.(R) 337	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
BTCK	*	1945	L.C.S.(R) 359	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRMX	*	1945	L.C.S.(R) 362	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
BTBW	*	1945	L.C.S.(R) 363	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRMZ	*	1945	L.C.S.(R) 366	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
BTBX	*	1945	L.C.S.(R) 367	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
BTBY	*	1945	L.C.S.(R) 368	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRND	*	1945	L.C.S.(R) 378	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRNG	*	1945	L.C.S.(R) 398	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRNJ	*	1945	L.C.S.(R) 405	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRBD	*	1945	L.C.S.(R) 423	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRNR	*	1945	L.C.S.(R) 425	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MVGB	*	1945	L.C.S.(R) 434	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MVFX	*	1945	L.C.S.(R) 435	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MVGC	*	1945	L.C.S.(R) 436	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MXCG	*	1945	L.C.S.(R) 437	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MXCJ	*	1945	L.C.S.(R) 438	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MXCK	*	1945	L.C.S.(R) 439	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MXCL	*	1945	L.C.S.(R) 440	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRNV	*	1945	L.C.S.(R) 447	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRNW	*	1945	L.C.S.(R) 448	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRNY	*	1945	L.C.S.(R) 450	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MVDB	*	1945	L.C.S.(R) 452	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MVFX	*	1945	L.C.S.(R) 457	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MVFZ	*	1945	L.C.S.(R) 458	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MXCP	*	1945	L.C.S.(R) 459	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MXCQ	*	1945	L.C.S.(R) 460	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MRCY	*	1945	L.C.S.(R) 464	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MYKN	*	1945	L.C.S.(R) 473	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
MYGR	*	1945	L.C.S.(R) 481	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MYKP	*	1945	L.C.S.(R) 482	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
GXBF	*	1945	L.C.S.(R) 483	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
GXBG	*	1945	L.C.S.(R) 484	LANDING CRAFT SUPPORT	*	*
VWGT	*	1956	L.C.T 4294	*	INDIA	*
VWGT	*	1961	L.C.T 4294	*	INDIA	*
GKZR	*	1956	L.C.T. (3) 3033	*	*	*
GGZY	*	1956	L.C.T. (8) 4001	*	*	*
MIBK	*	1956	L.C.T. (8) 4002	*	*	*
MIBQ	*	1956	L.C.T. (8) 4025	*	*	*
MIBX	*	1956	L.C.T. (8) 4038	*	*	*
GGWD	*	1956	L.C.T. (8) 4039	*	*	*
MICF	*	1956	L.C.T. (8) 4040	*	*	*
MICP	*	1956	L.C.T. (8) 4041	*	*	*
GGTL	*	1956	L.C.T. (8) 4042	*	*	*
MICQ	*	1956	L.C.T. (8) 4043	*	*	*
MICR	*	1956	L.C.T. (8) 4044	*	*	*
GFKS	*	1956	L.C.T. (8) 4045	*	*	*
MICS	*	1956	L.C.T. (8) 4049	*	*	*
MICX	*	1956	L.C.T. (8) 4050	*	*	*
MICZ	*	1956	L.C.T. (8) 4061	*	*	*
MIDB	*	1956	L.C.T. (8) 4062	*	*	*
GFNX	*	1956	L.C.T. (8) 4063	*	*	*
MIDC	*	1956	L.C.T. (8) 4064	*	*	*
MIDI	*	1956	L.C.T. (8) 4073	*	*	*
MIDM	*	1956	L.C.T. (8) 4074	*	*	*
MIDN	*	1956	L.C.T. (8) 4085	*	*	*
MIDT	*	1956	L.C.T. (8) 4086	*	*	*
MIFI	*	1956	L.C.T. (8) 4097	*	*	*
MIFK	*	1956	L.C.T. (8) 4098	*	*	*
MDRL	*	1956	L.C.T. (8) 4099	*	*	*
MFJL	*	1956	L.C.T. (8) 4128	*	*	*
MIGB	*	1956	L.C.T. (8) 4148	*	*	*
MIGC	*	1956	L.C.T. (8) 4156	*	*	*
MIGF	*	1956	L.C.T. (8) 4164	*	*	*
MIBT	*	1956	L.C.T. (8) 4937	*	*	*
GXWT	*	1945	L.C.T. 1003	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXWV	*	1945	L.C.T. 1004	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXWW	*	1945	L.C.T. 1005	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCX	*	1945	L.C.T. 1040	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCY	*	1945	L.C.T. 1041	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCV	*	1945	L.C.T. 1173	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQN	*	1945	L.C.T. 1183	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQV	*	1945	L.C.T. 1188	LANDING CRAFT TANK	*	*
ZCXP	*	1961	L.C.T. 1312	*	NIGERIA	*
GTXY	*	1945	L.C.T. 160	LANDING CRAFT TANK	*	*
GTYK	*	1945	L.C.T. 164	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKL	*	1945	L.C.T. 2992	LANDING CRAFT TANK	*	*
GGPR	*	1956	L.C.T. 404	*	*	*
GFJV	*	1956	L.C.T. 407	*	*	*
VWGN	*	1956	L.C.T. 4177	*	INDIA	*
VWGT	*	1964	L.C.T. 4294	*	INDIAN NAVY	*
VWGS	*	1956	L.C.T. 4310	*	INDIA	*
VWGS	*	1961	L.C.T. 4310	*	INDIA	*
VWGR	*	1956	L.C.T. 4315	*	INDIA	*
VWGQ	*	1956	L.C.T. 4358	*	INDIA	*
VWGP	*	1956	L.C.T. 4360	*	INDIA	*
GXSG	*	1945	L.C.T. 477	LANDING CRAFT TANK	*	*
VSXV	*	1961	L.C.T. 7021	*	EAST AFRICA H.C.	HIGH COMMISSION
VSXU	*	1961	L.C.T. 7027	*	EAST AFRICA H.C.	HIGH COMMISSION
QDQI	*	1945	L.C.T.(1) 17	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLB	*	1945	L.C.T.(1) 21	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLC	*	1945	L.C.T.(1) 22	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLD	*	1945	L.C.T.(1) 23	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLF	*	1945	L.C.T.(1) 24	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLG	*	1945	L.C.T.(1) 25	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLI	*	1945	L.C.T.(1) 26	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLK	*	1945	L.C.T.(1) 27	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLI	*	1945	L.C.T.(1) 28	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLM	*	1945	L.C.T.(1) 29	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLN	*	1945	L.C.T.(1) 30	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQF	*	1945	L.C.T.(1) 4	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQG	*	1945	L.C.T.(1) 9	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLP	*	1945	L.C.T.(2) 127	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLQ	*	1945	L.C.T.(2) 128	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLR	*	1945	L.C.T.(2) 130	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MRLS	*	1945	L.C.T.(2) 131	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLT	*	1945	L.C.T.(2) 133	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLV	*	1945	L.C.T.(2) 134	LANDING CRAFT TANK	*	*
GTWB	*	1945	L.C.T.(2) 135	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLW	*	1945	L.C.T.(2) 142	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLX	*	1945	L.C.T.(2) 144	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBG	*	1945	L.C.T.(2) 146	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLY	*	1945	L.C.T.(2) 148	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRLZ	*	1945	L.C.T.(2) 149	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBF	*	1945	L.C.T.(2) 151	LANDING CRAFT TANK	*	*
GTWQ	*	1945	L.C.T.(2) 152	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDQ	*	1945	L.C.T.(2) 156	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMB	*	1945	L.C.T.(2) 161	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMC	*	1945	L.C.T.(2) 162	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMD	*	1945	L.C.T.(2) 163	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMF	*	1945	L.C.T.(2) 165	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMG	*	1945	L.C.T.(2) 166	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMJ	*	1945	L.C.T.(2) 168	LANDING CRAFT TANK	*	*
GW CZ	*	1945	L.C.T.(2) 169	LANDING CRAFT TANK	*	*
GWDB	*	1945	L.C.T.(2) 170	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMK	*	1945	L.C.T.(2) 172	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNZ	*	1945	L.C.T.(3) 2402	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRML	*	1945	L.C.T.(3) 302	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMM	*	1945	L.C.T.(3) 303	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBN	*	1945	L.C.T.(3) 306	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMN	*	1945	L.C.T.(3) 311	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBR	*	1945	L.C.T.(3) 313	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMP	*	1945	L.C.T.(3) 314	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMQ	*	1945	L.C.T.(3) 316	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKF	*	1945	L.C.T.(3) 317	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBS	*	1945	L.C.T.(3) 318	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKG	*	1945	L.C.T.(3) 320	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBT	*	1945	L.C.T.(3) 321	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCW	*	1945	L.C.T.(3) 324	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CB	*	1945	L.C.T.(3) 328	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CM	*	1945	L.C.T.(3) 329	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMS	*	1945	L.C.T.(3) 331	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMT	*	1945	L.C.T.(3) 332	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMW	*	1945	L.C.T.(3) 340	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKI	*	1945	L.C.T.(3) 341	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CR	*	1945	L.C.T.(3) 343	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKK	*	1945	L.C.T.(3) 345	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTCW	*	1945	L.C.T.(3) 347	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTCS	*	1945	L.C.T.(3) 353	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKL	*	1945	L.C.T.(3) 354	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTCC	*	1945	L.C.T.(3) 355	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CN	*	1945	L.C.T.(3) 356	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRMY	*	1945	L.C.T.(3) 364	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CG	*	1945	L.C.T.(3) 366	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNB	*	1945	L.C.T.(3) 372	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CD	*	1945	L.C.T.(3) 375	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNC	*	1945	L.C.T.(3) 377	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNF	*	1945	L.C.T.(3) 379	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CF	*	1945	L.C.T.(3) 380	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CT	*	1945	L.C.T.(3) 382	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CV	*	1945	L.C.T.(3) 383	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKM	*	1945	L.C.T.(3) 384	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CP	*	1945	L.C.T.(3) 385	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CQ	*	1945	L.C.T.(3) 388	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDZ	*	1945	L.C.T.(3) 390	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CY	*	1945	L.C.T.(3) 399	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNK	*	1945	L.C.T.(3) 410	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNL	*	1945	L.C.T.(3) 411	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNM	*	1945	L.C.T.(3) 412	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBB	*	1945	L.C.T.(3) 413	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNN	*	1945	L.C.T.(3) 418	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBZ	*	1945	L.C.T.(3) 420	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNP	*	1945	L.C.T.(3) 421	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBC	*	1945	L.C.T.(3) 422	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNQ	*	1945	L.C.T.(3) 424	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNS	*	1945	L.C.T.(3) 426	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNT	*	1945	L.C.T.(3) 427	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFL	*	1945	L.C.T.(3) 428	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFM	*	1945	L.C.T.(3) 429	LANDING CRAFT TANK	*	*
MV FQ	*	1945	L.C.T.(3) 430	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MVFR	*	1945	L.C.T.(3) 431	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFS	*	1945	L.C.T.(3) 432	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFW	*	1945	L.C.T.(3) 433	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCM	*	1945	L.C.T.(3) 441	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCN	*	1945	L.C.T.(3) 442	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBB	*	1945	L.C.T.(3) 443	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBC	*	1945	L.C.T.(3) 444	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDY	*	1945	L.C.T.(3) 445	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCV	*	1945	L.C.T.(3) 446	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNX	*	1945	L.C.T.(3) 449	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRNZ	*	1945	L.C.T.(3) 451	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFN	*	1945	L.C.T.(3) 453	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFP	*	1945	L.C.T.(3) 454	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFT	*	1945	L.C.T.(3) 455	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJV	*	1945	L.C.T.(3) 456	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCX	*	1945	L.C.T.(3) 461	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCW	*	1945	L.C.T.(3) 462	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCX	*	1945	L.C.T.(3) 463	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCR	*	1945	L.C.T.(3) 465	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCS	*	1945	L.C.T.(3) 466	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCZ	*	1945	L.C.T.(3) 467	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBD	*	1945	L.C.T.(3) 468	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCY	*	1945	L.C.T.(3) 469	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDB	*	1945	L.C.T.(3) 470	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDC	*	1945	L.C.T.(3) 472	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXBB	*	1945	L.C.T.(3) 474	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDD	*	1945	L.C.T.(3) 474	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXBC	*	1945	L.C.T.(3) 476	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSG	*	1945	L.C.T.(3) 476	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDF	*	1945	L.C.T.(3) 477	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSM	*	1945	L.C.T.(3) 479	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXVY	*	1945	L.C.T.(3) 479 (L.C.T. 480?)	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXBJ	*	1945	L.C.T.(3) 485	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXBN	*	1945	L.C.T.(3) 486	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMX	*	1945	L.C.T.(3) 487	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXWC	*	1945	L.C.T.(3) 488	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXG	*	1945	L.C.T.(3) 489	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSN	*	1945	L.C.T.(3) 490	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXJ	*	1945	L.C.T.(3) 491	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXK	*	1945	L.C.T.(3) 492	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXL	*	1945	L.C.T.(3) 493	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXM	*	1945	L.C.T.(3) 494	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXN	*	1945	L.C.T.(3) 495	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMY	*	1945	L.C.T.(3) 496	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCRB	*	1945	L.C.T.(3) 497	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDF	*	1945	L.C.T.(3) 498	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJZ	*	1945	L.C.T.(3) 499	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNX	*	1945	L.C.T.(3) 7001	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNY	*	1945	L.C.T.(3) 7002	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQS	*	1945	L.C.T.(3) 7003	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQT	*	1945	L.C.T.(3) 7004	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQV	*	1945	L.C.T.(3) 7005	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKC	*	1945	L.C.T.(3) 7006	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSS	*	1945	L.C.T.(3) 7007	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTST	*	1945	L.C.T.(3) 7008	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXJR	*	1945	L.C.T.(3) 7009	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSV	*	1945	L.C.T.(3) 7010	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSW	*	1945	L.C.T.(3) 7011	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGT	*	1945	L.C.T.(3) 7012	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGV	*	1945	L.C.T.(3) 7013	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXZI	*	1945	L.C.T.(3) 7014	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMK	*	1945	L.C.T.(3) 7015	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVML	*	1945	L.C.T.(3) 7016	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMM	*	1945	L.C.T.(3) 7017	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGW	*	1945	L.C.T.(3) 7018	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGX	*	1945	L.C.T.(3) 7019	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXZQ	*	1945	L.C.T.(3) 7020	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSZ	*	1945	L.C.T.(3) 7021	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTZ	*	1945	L.C.T.(3) 7022	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXIN	*	1945	L.C.T.(3) 7023	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMN	*	1945	L.C.T.(3) 7024	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMP	*	1945	L.C.T.(3) 7025	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNZ	*	1945	L.C.T.(3) 7026	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPB	*	1945	L.C.T.(3) 7027	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPC	*	1945	L.C.T.(3) 7028	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
BVPD	*	1945	L.C.T.(3) 7029	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRL	*	1945	L.C.T.(3) 7030	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRM	*	1945	L.C.T.(3) 7031	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRN	*	1945	L.C.T.(3) 7032	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRP	*	1945	L.C.T.(3) 7033	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKC	*	1945	L.C.T.(3) 7034	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKG	*	1945	L.C.T.(3) 7035	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKK	*	1945	L.C.T.(3) 7036	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGY	*	1945	L.C.T.(3) 7037	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGZ	*	1945	L.C.T.(3) 7038	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKP	*	1945	L.C.T.(3) 7039	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKR	*	1945	L.C.T.(3) 7040	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKT	*	1945	L.C.T.(3) 7041	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKW	*	1945	L.C.T.(3) 7043	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXD	*	1945	L.C.T.(3) 7044	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXKY	*	1945	L.C.T.(3) 7045	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLB	*	1945	L.C.T.(3) 7046	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLC	*	1945	L.C.T.(3) 7047	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLD	*	1945	L.C.T.(3) 7048	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLG	*	1945	L.C.T.(3) 7049	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLK	*	1945	L.C.T.(3) 7050	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXJB	*	1945	L.C.T.(3) 7051	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXJC	*	1945	L.C.T.(3) 7052	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLN	*	1945	L.C.T.(3) 7053	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLP	*	1945	L.C.T.(3) 7054	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLQ	*	1945	L.C.T.(3) 7055	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLR	*	1945	L.C.T.(3) 7056	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLS	*	1945	L.C.T.(3) 7057	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLT	*	1945	L.C.T.(3) 7058	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLV	*	1945	L.C.T.(3) 7059	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLW	*	1945	L.C.T.(3) 7060	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLX	*	1945	L.C.T.(3) 7061	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLY	*	1945	L.C.T.(3) 7062	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLZ	*	1945	L.C.T.(3) 7063	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMB	*	1945	L.C.T.(3) 7064	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMC	*	1945	L.C.T.(3) 7065	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMD	*	1945	L.C.T.(3) 7066	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMG	*	1945	L.C.T.(3) 7067	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMK	*	1945	L.C.T.(3) 7068	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMM	*	1945	L.C.T.(3) 7069	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMT	*	1945	L.C.T.(3) 7070	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMX	*	1945	L.C.T.(3) 7071	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXMY	*	1945	L.C.T.(3) 7072	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXNB	*	1945	L.C.T.(3) 7073	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXNC	*	1945	L.C.T.(3) 7074	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXNG	*	1945	L.C.T.(3) 7075	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXNQ	*	1945	L.C.T.(3) 7076	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXNT	*	1945	L.C.T.(3) 7077	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXNZ	*	1945	L.C.T.(3) 7078	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPB	*	1945	L.C.T.(3) 7079	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPC	*	1945	L.C.T.(3) 7080	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPF	*	1945	L.C.T.(3) 7081	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPK	*	1945	L.C.T.(3) 7082	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPM	*	1945	L.C.T.(3) 7083	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPS	*	1945	L.C.T.(3) 7084	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPT	*	1945	L.C.T.(3) 7085	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXPY	*	1945	L.C.T.(3) 7086	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXQB	*	1945	L.C.T.(3) 7087	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXQD	*	1945	L.C.T.(3) 7088	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXQG	*	1945	L.C.T.(3) 7089	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXQJ	*	1945	L.C.T.(3) 7090	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXQN	*	1945	L.C.T.(3) 7091	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRB	*	1945	L.C.T.(3) 7092	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRD	*	1945	L.C.T.(3) 7093	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRF	*	1945	L.C.T.(3) 7094	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRG	*	1945	L.C.T.(3) 7095	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRN	*	1945	L.C.T.(3) 7096	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXJT	*	1945	L.C.T.(3) 7097	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRQ	*	1945	L.C.T.(3) 7098	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRW	*	1945	L.C.T.(3) 7099	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRX	*	1945	L.C.T.(3) 7100	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRY	*	1945	L.C.T.(3) 7101	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXRZ	*	1945	L.C.T.(3) 7102	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSB	*	1945	L.C.T.(3) 7103	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSC	*	1945	L.C.T.(3) 7104	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GXSD	*	1945	L.C.T.(3) 7105	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSN	*	1945	L.C.T.(3) 7118	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSP	*	1945	L.C.T.(3) 7119	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSQ	*	1945	L.C.T.(3) 7120	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSR	*	1945	L.C.T.(3) 7121	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSS	*	1945	L.C.T.(3) 7122	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVST	*	1945	L.C.T.(3) 7123	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSV	*	1945	L.C.T.(3) 7124	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPM	*	1945	L.C.T.(3) 7125	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCR	*	1945	L.C.T.(4) 1000	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXWM	*	1945	L.C.T.(4) 1002	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIR	*	1945	L.C.T.(4) 1006	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFK	*	1945	L.C.T.(4) 1017	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFR	*	1945	L.C.T.(4) 1023	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFS	*	1945	L.C.T.(4) 1024	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJM	*	1945	L.C.T.(4) 1025	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJN	*	1945	L.C.T.(4) 1026	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJP	*	1945	L.C.T.(4) 1027	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJQ	*	1945	L.C.T.(4) 1028	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJR	*	1945	L.C.T.(4) 1029	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJS	*	1945	L.C.T.(4) 1032	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCZ	*	1945	L.C.T.(4) 1042	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDC	*	1945	L.C.T.(4) 1043	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXXM	*	1945	L.C.T.(4) 1044	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTC	*	1945	L.C.T.(4) 1045	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSC	*	1945	L.C.T.(4) 1046	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDD	*	1945	L.C.T.(4) 1047	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDF	*	1945	L.C.T.(4) 1048	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDK	*	1945	L.C.T.(4) 1049	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDL	*	1945	L.C.T.(4) 1050	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDS	*	1945	L.C.T.(4) 1051	LANDING CRAFT TANK	*	*
GX5D	*	1945	L.C.T.(4) 1052	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTF	*	1945	L.C.T.(4) 1053	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXXN	*	1945	L.C.T.(4) 1054	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXS	*	1945	L.C.T.(4) 1055	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRY	*	1945	L.C.T.(4) 1056	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXT	*	1945	L.C.T.(4) 1057	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNC	*	1945	L.C.T.(4) 1058	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVXD	*	1945	L.C.T.(4) 1059	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQB	*	1945	L.C.T.(4) 1061	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCQ	*	1945	L.C.T.(4) 1062	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCR	*	1945	L.C.T.(4) 1063	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCS	*	1945	L.C.T.(4) 1064	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFT	*	1945	L.C.T.(4) 1065	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFV	*	1945	L.C.T.(4) 1066	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFW	*	1945	L.C.T.(4) 1067	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFX	*	1945	L.C.T.(4) 1068	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFY	*	1945	L.C.T.(4) 1069	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYEZ	*	1945	L.C.T.(4) 1070	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGB	*	1945	L.C.T.(4) 1071	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGC	*	1945	L.C.T.(4) 1072	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGD	*	1945	L.C.T.(4) 1073	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYIT	*	1945	L.C.T.(4) 1074	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJV	*	1945	L.C.T.(4) 1075	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYIW	*	1945	L.C.T.(4) 1076	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJX	*	1945	L.C.T.(4) 1077	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJY	*	1945	L.C.T.(4) 1078	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSD	*	1945	L.C.T.(4) 1079	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDT	*	1945	L.C.T.(4) 1080	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDX	*	1945	L.C.T.(4) 1081	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXDZ	*	1945	L.C.T.(4) 1082	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFB	*	1945	L.C.T.(4) 1083	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFC	*	1945	L.C.T.(4) 1084	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXVX	*	1945	L.C.T.(4) 1085	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFF	*	1945	L.C.T.(4) 1086	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFG	*	1945	L.C.T.(4) 1087	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFK	*	1945	L.C.T.(4) 1088	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFL	*	1945	L.C.T.(4) 1089	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTJ	*	1945	L.C.T.(4) 1090	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXV	*	1945	L.C.T.(4) 1091	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGF	*	1945	L.C.T.(4) 1092	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGG	*	1945	L.C.T.(4) 1093	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGJ	*	1945	L.C.T.(4) 1094	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKB	*	1945	L.C.T.(4) 1096	LANDING CRAFT TANK	*	*
BYSG	*	1945	L.C.T.(4) 1097	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
BTSJ	*	1945	L.C.T.(4) 1098	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSK	*	1945	L.C.T.(4) 1099	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTP	*	1945	L.C.T.(4) 1100	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDCK	*	1945	L.C.T.(4) 1101	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTR	*	1945	L.C.T.(4) 1102	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTV	*	1945	L.C.T.(4) 1103	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXXP	*	1945	L.C.T.(4) 1104	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXW	*	1945	L.C.T.(4) 1105	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFM	*	1945	L.C.T.(4) 1106	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTX	*	1945	L.C.T.(4) 1107	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFP	*	1945	L.C.T.(4) 1108	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFR	*	1945	L.C.T.(4) 1109	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXH	*	1945	L.C.T.(4) 1110	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNF	*	1945	L.C.T.(4) 1111	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQC	*	1945	L.C.T.(4) 1112	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRQ	*	1945	L.C.T.(4) 1113	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRR	*	1945	L.C.T.(4) 1114	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNC	*	1945	L.C.T.(4) 1115	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGK	*	1945	L.C.T.(4) 1116	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGL	*	1945	L.C.T.(4) 1117	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSL	*	1945	L.C.T.(4) 1118	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSM	*	1945	L.C.T.(4) 1119	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSN	*	1945	L.C.T.(4) 1120	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSP	*	1945	L.C.T.(4) 1121	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSQ	*	1945	L.C.T.(4) 1122	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFS	*	1945	L.C.T.(4) 1123	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFT	*	1945	L.C.T.(4) 1124	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFV	*	1945	L.C.T.(4) 1125	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFW	*	1945	L.C.T.(4) 1126	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXFZ	*	1945	L.C.T.(4) 1127	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGD	*	1945	L.C.T.(4) 1128	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGF	*	1945	L.C.T.(4) 1129	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTY	*	1945	L.C.T.(4) 1130	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXB	*	1945	L.C.T.(4) 1131	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXXQ	*	1945	L.C.T.(4) 1132	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXY	*	1945	L.C.T.(4) 1133	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXZ	*	1945	L.C.T.(4) 1134	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCND	*	1945	L.C.T.(4) 1135	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLB	*	1945	L.C.T.(4) 1136	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLC	*	1945	L.C.T.(4) 1137	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLD	*	1945	L.C.T.(4) 1138	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLF	*	1945	L.C.T.(4) 1139	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLG	*	1945	L.C.T.(4) 1140	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLJ	*	1945	L.C.T.(4) 1141	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLK	*	1945	L.C.T.(4) 1142	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLL	*	1945	L.C.T.(4) 1143	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXXR	*	1945	L.C.T.(4) 1144	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXXS	*	1945	L.C.T.(4) 1145	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXXV	*	1945	L.C.T.(4) 1146	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLM	*	1945	L.C.T.(4) 1147	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLN	*	1945	L.C.T.(4) 1148	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLP	*	1945	L.C.T.(4) 1149	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYC	*	1945	L.C.T.(4) 1150	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYD	*	1945	L.C.T.(4) 1151	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLQ	*	1945	L.C.T.(4) 1152	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLR	*	1945	L.C.T.(4) 1153	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLS	*	1945	L.C.T.(4) 1154	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNG	*	1945	L.C.T.(4) 1155	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNI	*	1945	L.C.T.(4) 1156	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLT	*	1945	L.C.T.(4) 1157	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNK	*	1945	L.C.T.(4) 1158	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNL	*	1945	L.C.T.(4) 1159	LANDING CRAFT TANK	*	*
B\TX	*	1945	L.C.T.(4) 1160	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPY	*	1945	L.C.T.(4) 1161	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTSR	*	1945	L.C.T.(4) 1162	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGG	*	1945	L.C.T.(4) 1164	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGJ	*	1945	L.C.T.(4) 1166	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGK	*	1945	L.C.T.(4) 1167	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGL	*	1945	L.C.T.(4) 1168	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGM	*	1945	L.C.T.(4) 1169	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGP	*	1945	L.C.T.(4) 1170	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGR	*	1945	L.C.T.(4) 1171	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXGS	*	1945	L.C.T.(4) 1172	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYC	*	1945	L.C.T.(4) 1173	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVXI	*	1945	L.C.T.(4) 1174	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
BVNN	*	1945	L.C.T.(4) 1175	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNP	*	1945	L.C.T.(4) 1176	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQD	*	1945	L.C.T.(4) 1177	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQF	*	1945	L.C.T.(4) 1178	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMW	*	1945	L.C.T.(4) 1179	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPZ	*	1945	L.C.T.(4) 1180	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRS	*	1945	L.C.T.(4) 1181	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRT	*	1945	L.C.T.(4) 1182	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQQ	*	1945	L.C.T.(4) 1184	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQR	*	1945	L.C.T.(4) 1185	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQS	*	1945	L.C.T.(4) 1186	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQT	*	1945	L.C.T.(4) 1187	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSR	*	1945	L.C.T.(4) 1189	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSS	*	1945	L.C.T.(4) 1190	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDST	*	1945	L.C.T.(4) 1191	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSV	*	1945	L.C.T.(4) 1192	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSW	*	1945	L.C.T.(4) 1193	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSX	*	1945	L.C.T.(4) 1194	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLL	*	1945	L.C.T.(4) 1195	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRV	*	1945	L.C.T.(4) 1196	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRW	*	1945	L.C.T.(4) 1197	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRX	*	1945	L.C.T.(4) 1198	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQM	*	1945	L.C.T.(4) 1199	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQW	*	1945	L.C.T.(4) 1200	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQX	*	1945	L.C.T.(4) 1201	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSM	*	1945	L.C.T.(4) 1202	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQY	*	1945	L.C.T.(4) 1203	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQZ	*	1945	L.C.T.(4) 1204	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSK	*	1945	L.C.T.(4) 1205	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSY	*	1945	L.C.T.(4) 1206	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSZ	*	1945	L.C.T.(4) 1207	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTB	*	1945	L.C.T.(4) 1208	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTC	*	1945	L.C.T.(4) 1209	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTD	*	1945	L.C.T.(4) 1210	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNQ	*	1945	L.C.T.(4) 1211	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPM	*	1945	L.C.T.(4) 1212	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLV	*	1945	L.C.T.(4) 1213	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPN	*	1945	L.C.T.(4) 1214	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXLM	*	1945	L.C.T.(4) 1215	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQG	*	1945	L.C.T.(4) 1216	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRZ	*	1945	L.C.T.(4) 1217	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSB	*	1945	L.C.T.(4) 1218	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSC	*	1945	L.C.T.(4) 1219	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNF	*	1945	L.C.T.(4) 1220	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNG	*	1945	L.C.T.(4) 1221	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNI	*	1945	L.C.T.(4) 1222	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNK	*	1945	L.C.T.(4) 1223	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNI	*	1945	L.C.T.(4) 1224	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNI	*	1945	L.C.T.(4) 1225	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNI	*	1945	L.C.T.(4) 1226	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQJ	*	1945	L.C.T.(4) 1227	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQK	*	1945	L.C.T.(4) 1228	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNP	*	1945	L.C.T.(4) 1229	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNQ	*	1945	L.C.T.(4) 1230	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPN	*	1945	L.C.T.(4) 1231	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPP	*	1945	L.C.T.(4) 1232	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCQK	*	1945	L.C.T.(4) 1233	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSL	*	1945	L.C.T.(4) 1234	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYL	*	1945	L.C.T.(4) 1237	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXC	*	1945	L.C.T.(4) 1238	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYQ	*	1945	L.C.T.(4) 1239	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYR	*	1945	L.C.T.(4) 1240	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYX	*	1945	L.C.T.(4) 1241	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLW	*	1945	L.C.T.(4) 1242	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNR	*	1945	L.C.T.(4) 1243	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQL	*	1945	L.C.T.(4) 1244	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRQ	*	1945	L.C.T.(4) 1245	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTF	*	1945	L.C.T.(4) 1246	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWL	*	1945	L.C.T.(4) 1247	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNS	*	1945	L.C.T.(4) 1251	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQM	*	1945	L.C.T.(4) 1252	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRS	*	1945	L.C.T.(4) 1253	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTW	*	1945	L.C.T.(4) 1254	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRT	*	1945	L.C.T.(4) 1257	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRV	*	1945	L.C.T.(4) 1258	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QDTQ	*	1945	L.C.T.(4) 1259	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQW	*	1945	L.C.T.(4) 1269	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQX	*	1945	L.C.T.(4) 1270	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPQ	*	1945	L.C.T.(4) 1275	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPR	*	1945	L.C.T.(4) 1276	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPS	*	1945	L.C.T.(4) 1277	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCQL	*	1945	L.C.T.(4) 1278	LANDING CRAFT TANK	*	*
QQCM	*	1945	L.C.T.(4) 1279	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTG	*	1945	L.C.T.(4) 1280	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRW	*	1945	L.C.T.(4) 1283	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRX	*	1945	L.C.T.(4) 1285	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRY	*	1945	L.C.T.(4) 1286	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDRZ	*	1945	L.C.T.(4) 1287	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTJ	*	1945	L.C.T.(4) 1288	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTR	*	1945	L.C.T.(4) 1289	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTX	*	1945	L.C.T.(4) 1290	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSD	*	1945	L.C.T.(4) 1291	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSF	*	1945	L.C.T.(4) 1292	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSG	*	1945	L.C.T.(4) 1293	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNR	*	1945	L.C.T.(4) 1294	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNS	*	1945	L.C.T.(4) 1295	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNT	*	1945	L.C.T.(4) 1296	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSI	*	1945	L.C.T.(4) 1297	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSK	*	1945	L.C.T.(4) 1298	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSL	*	1945	L.C.T.(4) 1299	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTB	*	1945	L.C.T.(4) 1300	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTC	*	1945	L.C.T.(4) 1301	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNV	*	1945	L.C.T.(4) 1302	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNW	*	1945	L.C.T.(4) 1303	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNX	*	1945	L.C.T.(4) 1304	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPT	*	1945	L.C.T.(4) 1305	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTK	*	1945	L.C.T.(4) 1306	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTL	*	1945	L.C.T.(4) 1307	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTM	*	1945	L.C.T.(4) 1308	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNT	*	1945	L.C.T.(4) 1309	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNV	*	1945	L.C.T.(4) 1310	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNV	*	1945	L.C.T.(4) 1311	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNZ	*	1945	L.C.T.(4) 1312	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDMJ	*	1945	L.C.T.(4) 1313	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTN	*	1945	L.C.T.(4) 1314	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXVM	*	1945	L.C.T.(4) 1315	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXVQ	*	1945	L.C.T.(4) 1316	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXVR	*	1945	L.C.T.(4) 1317	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYV	*	1945	L.C.T.(4) 1318	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXYZ	*	1945	L.C.T.(4) 1319	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXZB	*	1945	L.C.T.(4) 1320	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTS	*	1945	L.C.T.(4) 1323	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTT	*	1945	L.C.T.(4) 1324	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTY	*	1945	L.C.T.(4) 1325	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVM	*	1945	L.C.T.(4) 1326	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLX	*	1945	L.C.T.(4) 1329	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLY	*	1945	L.C.T.(4) 1330	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVLZ	*	1945	L.C.T.(4) 1331	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMB	*	1945	L.C.T.(4) 1332	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCQZ	*	1945	L.C.T.(4) 1333	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNW	*	1945	L.C.T.(4) 1334	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPP	*	1945	L.C.T.(4) 1335	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVPQ	*	1945	L.C.T.(4) 1336	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTV	*	1945	L.C.T.(4) 1337	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPB	*	1945	L.C.T.(4) 1341	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPV	*	1945	L.C.T.(4) 1342	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPW	*	1945	L.C.T.(4) 1343	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCQN	*	1945	L.C.T.(4) 1344	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTP	*	1945	L.C.T.(4) 1345	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDTZ	*	1945	L.C.T.(4) 1346	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDMK	*	1945	L.C.T.(4) 1347	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSB	*	1945	L.C.T.(4) 1348	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSC	*	1945	L.C.T.(4) 1349	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSD	*	1945	L.C.T.(4) 1350	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSF	*	1945	L.C.T.(4) 1351	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDSG	*	1945	L.C.T.(4) 1352	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTD	*	1945	L.C.T.(4) 1357	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQN	*	1945	L.C.T.(4) 1358	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQP	*	1945	L.C.T.(4) 1359	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVQQ	*	1945	L.C.T.(4) 1360	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
BVQR	*	1945	L.C.T.(4) 1361	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSM	*	1945	L.C.T.(4) 1362	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPC	*	1945	L.C.T.(4) 1363	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPD	*	1945	L.C.T.(4) 1364	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDC	*	1945	L.C.T.(4) 500	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDD	*	1945	L.C.T.(4) 501	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDF	*	1945	L.C.T.(4) 502	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDG	*	1945	L.C.T.(4) 503	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDJ	*	1945	L.C.T.(4) 504	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDK	*	1945	L.C.T.(4) 505	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDL	*	1945	L.C.T.(4) 506	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDM	*	1945	L.C.T.(4) 507	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDN	*	1945	L.C.T.(4) 508	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDC	*	1945	L.C.T.(4) 509	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDP	*	1945	L.C.T.(4) 510	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDD	*	1945	L.C.T.(4) 511	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDF	*	1945	L.C.T.(4) 512	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDG	*	1945	L.C.T.(4) 513	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDB	*	1945	L.C.T.(4) 514	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXBT	*	1945	L.C.T.(4) 515	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDJ	*	1945	L.C.T.(4) 516	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDK	*	1945	L.C.T.(4) 517	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDR	*	1945	L.C.T.(4) 518	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDL	*	1945	L.C.T.(4) 519	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDM	*	1945	L.C.T.(4) 520	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDN	*	1945	L.C.T.(4) 521	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDP	*	1945	L.C.T.(4) 522	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDS	*	1945	L.C.T.(4) 523	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDT	*	1945	L.C.T.(4) 524	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDV	*	1945	L.C.T.(4) 525	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDQ	*	1945	L.C.T.(4) 526	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDR	*	1945	L.C.T.(4) 527	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDS	*	1945	L.C.T.(4) 528	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDT	*	1945	L.C.T.(4) 529	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDV	*	1945	L.C.T.(4) 530	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDW	*	1945	L.C.T.(4) 531	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDX	*	1945	L.C.T.(4) 532	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDY	*	1945	L.C.T.(4) 533	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTDZ	*	1945	L.C.T.(4) 534	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDW	*	1945	L.C.T.(4) 535	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGB	*	1945	L.C.T.(4) 536	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGC	*	1945	L.C.T.(4) 537	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGD	*	1945	L.C.T.(4) 538	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDX	*	1945	L.C.T.(4) 539	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDY	*	1945	L.C.T.(4) 540	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVDZ	*	1945	L.C.T.(4) 541	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCB	*	1945	L.C.T.(4) 542	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCC	*	1945	L.C.T.(4) 543	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBF	*	1945	L.C.T.(4) 544	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCD	*	1945	L.C.T.(4) 545	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFF	*	1945	L.C.T.(4) 546	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBG	*	1945	L.C.T.(4) 550	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRFC	*	1945	L.C.T.(4) 553	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRFD	*	1945	L.C.T.(4) 554	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBJ	*	1945	L.C.T.(4) 555	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBK	*	1945	L.C.T.(4) 556	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBL	*	1945	L.C.T.(4) 557	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCG	*	1945	L.C.T.(4) 558	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBM	*	1945	L.C.T.(4) 559	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBN	*	1945	L.C.T.(4) 560	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBP	*	1945	L.C.T.(4) 561	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCJ	*	1945	L.C.T.(4) 562	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBQ	*	1945	L.C.T.(4) 563	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDM	*	1945	L.C.T.(4) 564	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDN	*	1945	L.C.T.(4) 565	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKY	*	1945	L.C.T.(4) 566	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCK	*	1945	L.C.T.(4) 567	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDP	*	1945	L.C.T.(4) 568	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLL	*	1945	L.C.T.(4) 569	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBR	*	1945	L.C.T.(4) 570	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBS	*	1945	L.C.T.(4) 571	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBT	*	1945	L.C.T.(4) 572	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDQ	*	1945	L.C.T.(4) 573	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKZ	*	1945	L.C.T.(4) 574	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLG	*	1945	L.C.T.(4) 575	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MRBV	*	1945	L.C.T.(4) 576	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCL	*	1945	L.C.T.(4) 577	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCM	*	1945	L.C.T.(4) 579	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCN	*	1945	L.C.T.(4) 580	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCP	*	1945	L.C.T.(4) 581	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCQ	*	1945	L.C.T.(4) 582	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBW	*	1945	L.C.T.(4) 583	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCC	*	1945	L.C.T.(4) 584	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBX	*	1945	L.C.T.(4) 585	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBY	*	1945	L.C.T.(4) 586	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDR	*	1945	L.C.T.(4) 587	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRBZ	*	1945	L.C.T.(4) 589	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCB	*	1945	L.C.T.(4) 590	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDL	*	1945	L.C.T.(4) 591	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCR	*	1945	L.C.T.(4) 592	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCS	*	1945	L.C.T.(4) 593	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCT	*	1945	L.C.T.(4) 594	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCV	*	1945	L.C.T.(4) 595	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCW	*	1945	L.C.T.(4) 596	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCX	*	1945	L.C.T.(4) 597	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMK	*	1945	L.C.T.(4) 598	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVML	*	1945	L.C.T.(4) 599	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMN	*	1945	L.C.T.(4) 600	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCY	*	1945	L.C.T.(4) 601	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVCZ	*	1945	L.C.T.(4) 602	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRFG	*	1945	L.C.T.(4) 603	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQB	*	1945	L.C.T.(4) 604	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQC	*	1945	L.C.T.(4) 606	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQD	*	1945	L.C.T.(4) 608	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQF	*	1945	L.C.T.(4) 609	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQG	*	1945	L.C.T.(4) 610	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQJ	*	1945	L.C.T.(4) 611	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQK	*	1945	L.C.T.(4) 612	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCB	*	1945	L.C.T.(4) 614	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCF	*	1945	L.C.T.(4) 615	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCG	*	1945	L.C.T.(4) 616	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCJ	*	1945	L.C.T.(4) 617	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCK	*	1945	L.C.T.(4) 618	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCL	*	1945	L.C.T.(4) 619	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCM	*	1945	L.C.T.(4) 620	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCN	*	1945	L.C.T.(4) 621	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCP	*	1945	L.C.T.(4) 622	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCQ	*	1945	L.C.T.(4) 624	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCR	*	1945	L.C.T.(4) 625	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDG	*	1945	L.C.T.(4) 626	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDJ	*	1945	L.C.T.(4) 627	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDS	*	1945	L.C.T.(4) 628	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLM	*	1945	L.C.T.(4) 629	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIM	*	1945	L.C.T.(4) 630	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJS	*	1945	L.C.T.(4) 631	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIT	*	1945	L.C.T.(4) 632	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCB	*	1945	L.C.T.(4) 633	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQL	*	1945	L.C.T.(4) 634	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDT	*	1945	L.C.T.(4) 635	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIP	*	1945	L.C.T.(4) 636	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMM	*	1945	L.C.T.(4) 637	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGJ	*	1945	L.C.T.(4) 638	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKQ	*	1945	L.C.T.(4) 639	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDC	*	1945	L.C.T.(4) 640	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKQ	*	1945	L.C.T.(4) 641	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGF	*	1945	L.C.T.(4) 642	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGG	*	1945	L.C.T.(4) 643	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGJ	*	1945	L.C.T.(4) 644	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQM	*	1945	L.C.T.(4) 645	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQN	*	1945	L.C.T.(4) 646	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGK	*	1945	L.C.T.(4) 647	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKR	*	1945	L.C.T.(4) 648	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCT	*	1945	L.C.T.(4) 649	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCV	*	1945	L.C.T.(4) 650	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBF	*	1945	L.C.T.(4) 651	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQP	*	1945	L.C.T.(4) 652	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGL	*	1945	L.C.T.(4) 653	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQQ	*	1945	L.C.T.(4) 656	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJY	*	1945	L.C.T.(4) 664	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKC	*	1945	L.C.T.(4) 665	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MXCW	*	1945	L.C.T.(4) 666	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKM	*	1945	L.C.T.(4) 667	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCX	*	1945	L.C.T.(4) 668	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKX	*	1945	L.C.T.(4) 669	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKS	*	1945	L.C.T.(4) 670	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCY	*	1945	L.C.T.(4) 671	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCZ	*	1945	L.C.T.(4) 672	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDB	*	1945	L.C.T.(4) 673	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGS	*	1945	L.C.T.(4) 674	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDC	*	1945	L.C.T.(4) 675	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVBG	*	1945	L.C.T.(4) 676	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLJ	*	1945	L.C.T.(4) 677	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIJ	*	1945	L.C.T.(4) 678	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKD	*	1945	L.C.T.(4) 679	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGT	*	1945	L.C.T.(4) 680	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDD	*	1945	L.C.T.(4) 681	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDF	*	1945	L.C.T.(4) 682	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQR	*	1945	L.C.T.(4) 683	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGP	*	1945	L.C.T.(4) 684	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQS	*	1945	L.C.T.(4) 685	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGQ	*	1945	L.C.T.(4) 687	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQT	*	1945	L.C.T.(4) 689	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGT	*	1945	L.C.T.(4) 690	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGV	*	1945	L.C.T.(4) 691	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGW	*	1945	L.C.T.(4) 692	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDV	*	1945	L.C.T.(4) 700	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQV	*	1945	L.C.T.(4) 702	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQW	*	1945	L.C.T.(4) 703	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDW	*	1945	L.C.T.(4) 704	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDX	*	1945	L.C.T.(4) 706	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLC	*	1945	L.C.T.(4) 707	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIK	*	1945	L.C.T.(4) 708	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLF	*	1945	L.C.T.(4) 709	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIL	*	1945	L.C.T.(4) 710	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIQ	*	1945	L.C.T.(4) 711	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLK	*	1945	L.C.T.(4) 712	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIR	*	1945	L.C.T.(4) 713	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLN	*	1945	L.C.T.(4) 715	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLP	*	1945	L.C.T.(4) 716	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLQ	*	1945	L.C.T.(4) 717	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIW	*	1945	L.C.T.(4) 718	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLR	*	1945	L.C.T.(4) 719	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJZ	*	1945	L.C.T.(4) 720	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKF	*	1945	L.C.T.(4) 721	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKK	*	1945	L.C.T.(4) 722	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMP	*	1945	L.C.T.(4) 723	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMQ	*	1945	L.C.T.(4) 724	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDG	*	1945	L.C.T.(4) 726	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKI	*	1945	L.C.T.(4) 727	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDI	*	1945	L.C.T.(4) 728	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDK	*	1945	L.C.T.(4) 729	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDG	*	1945	L.C.T.(4) 730	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDL	*	1945	L.C.T.(4) 731	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGV	*	1945	L.C.T.(4) 732	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDI	*	1945	L.C.T.(4) 733	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKS	*	1945	L.C.T.(4) 734	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDK	*	1945	L.C.T.(4) 735	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXBW	*	1945	L.C.T.(4) 736	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKT	*	1945	L.C.T.(4) 737	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXWG	*	1945	L.C.T.(4) 738	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKV	*	1945	L.C.T.(4) 739	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXBZ	*	1945	L.C.T.(4) 740	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSW	*	1945	L.C.T.(4) 741	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXP	*	1945	L.C.T.(4) 742	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMZ	*	1945	L.C.T.(4) 743	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGN	*	1945	L.C.T.(4) 744	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQK	*	1945	L.C.T.(4) 745	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQL	*	1945	L.C.T.(4) 746	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCF	*	1945	L.C.T.(4) 747	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDM	*	1945	L.C.T.(4) 748	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCD	*	1945	L.C.T.(4) 749	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDN	*	1945	L.C.T.(4) 750	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDP	*	1945	L.C.T.(4) 751	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDQ	*	1945	L.C.T.(4) 752	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDR	*	1945	L.C.T.(4) 753	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MXDS	*	1945	L.C.T.(4) 754	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDT	*	1945	L.C.T.(4) 755	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBJ	*	1945	L.C.T.(4) 756	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBK	*	1945	L.C.T.(4) 757	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDV	*	1945	L.C.T.(4) 758	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKG	*	1945	L.C.T.(4) 759	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKL	*	1945	L.C.T.(4) 760	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKN	*	1945	L.C.T.(4) 761	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKP	*	1945	L.C.T.(4) 762	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKR	*	1945	L.C.T.(4) 763	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKV	*	1945	L.C.T.(4) 764	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKW	*	1945	L.C.T.(4) 765	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDW	*	1945	L.C.T.(4) 766	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDX	*	1945	L.C.T.(4) 767	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXDY	*	1945	L.C.T.(4) 768	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXD\	*	1945	L.C.T.(4) 769	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFB	*	1945	L.C.T.(4) 770	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLS	*	1945	L.C.T.(4) 781	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLW	*	1945	L.C.T.(4) 782	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLY	*	1945	L.C.T.(4) 783	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMB	*	1945	L.C.T.(4) 784	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMD	*	1945	L.C.T.(4) 785	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFC	*	1945	L.C.T.(4) 786	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFD	*	1945	L.C.T.(4) 787	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFF	*	1945	L.C.T.(4) 788	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBL	*	1945	L.C.T.(4) 789	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBM	*	1945	L.C.T.(4) 790	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGX	*	1945	L.C.T.(4) 791	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTGY	*	1945	L.C.T.(4) 792	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRCT	*	1945	L.C.T.(4) 793	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQX	*	1945	L.C.T.(4) 794	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQY	*	1945	L.C.T.(4) 795	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRDK	*	1945	L.C.T.(4) 796	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVQZ	*	1945	L.C.T.(4) 797	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFB	*	1945	L.C.T.(4) 798	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGD	*	1945	L.C.T.(4) 799	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGK	*	1945	L.C.T.(4) 800	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGM	*	1945	L.C.T.(4) 801	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGN	*	1945	L.C.T.(4) 802	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGR	*	1945	L.C.T.(4) 803	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGT	*	1945	L.C.T.(4) 804	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGX	*	1945	L.C.T.(4) 805	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFG	*	1945	L.C.T.(4) 806	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGW	*	1945	L.C.T.(4) 807	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJB	*	1945	L.C.T.(4) 808	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVID	*	1945	L.C.T.(4) 809	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIF	*	1945	L.C.T.(4) 810	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGW	*	1945	L.C.T.(4) 811	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFJ	*	1945	L.C.T.(4) 812	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFK	*	1945	L.C.T.(4) 813	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFL	*	1945	L.C.T.(4) 814	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJJ	*	1945	L.C.T.(4) 815	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSW	*	1945	L.C.T.(4) 817	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSX	*	1945	L.C.T.(4) 818	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSY	*	1945	L.C.T.(4) 819	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVSZ	*	1945	L.C.T.(4) 820	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGL	*	1945	L.C.T.(4) 821	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFC	*	1945	L.C.T.(4) 822	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGF	*	1945	L.C.T.(4) 823	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGG	*	1945	L.C.T.(4) 824	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFN	*	1945	L.C.T.(4) 826	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFP	*	1945	L.C.T.(4) 827	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFQ	*	1945	L.C.T.(4) 828	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFR	*	1945	L.C.T.(4) 829	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDL	*	1945	L.C.T.(4) 830	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGX	*	1945	L.C.T.(4) 831	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGY	*	1945	L.C.T.(4) 832	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKW	*	1945	L.C.T.(4) 833	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSX	*	1945	L.C.T.(4) 834	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDM	*	1945	L.C.T.(4) 835	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKX	*	1945	L.C.T.(4) 836	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKY	*	1945	L.C.T.(4) 837	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCB	*	1945	L.C.T.(4) 838	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSX	*	1945	L.C.T.(4) 840	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFK	*	1945	L.C.T.(4) 849	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MRFF	*	1945	L.C.T.(4) 850	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFD	*	1945	L.C.T.(4) 851	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFF	*	1945	L.C.T.(4) 852	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFG	*	1945	L.C.T.(4) 853	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVFI	*	1945	L.C.T.(4) 854	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLT	*	1945	L.C.T.(4) 855	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLV	*	1945	L.C.T.(4) 856	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLX	*	1945	L.C.T.(4) 857	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLZ	*	1945	L.C.T.(4) 858	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMC	*	1945	L.C.T.(4) 859	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFS	*	1945	L.C.T.(4) 860	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFT	*	1945	L.C.T.(4) 861	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFV	*	1945	L.C.T.(4) 862	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFW	*	1945	L.C.T.(4) 863	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFX	*	1945	L.C.T.(4) 864	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMQ	*	1945	L.C.T.(4) 865	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMR	*	1945	L.C.T.(4) 866	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMS	*	1945	L.C.T.(4) 867	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGP	*	1945	L.C.T.(4) 868	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVMT	*	1945	L.C.T.(4) 869	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFY	*	1945	L.C.T.(4) 870	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXFZ	*	1945	L.C.T.(4) 871	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCNB	*	1945	L.C.T.(4) 872	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTBD	*	1945	L.C.T.(4) 875	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVLD	*	1945	L.C.T.(4) 876	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVIV	*	1945	L.C.T.(4) 878	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVKI	*	1945	L.C.T.(4) 879	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGP	*	1945	L.C.T.(4) 881	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMV	*	1945	L.C.T.(4) 882	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGS	*	1945	L.C.T.(4) 883	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGV	*	1945	L.C.T.(4) 884	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVGY	*	1945	L.C.T.(4) 885	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJC	*	1945	L.C.T.(4) 886	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVJG	*	1945	L.C.T.(4) 887	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGB	*	1945	L.C.T.(4) 888	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGC	*	1945	L.C.T.(4) 889	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGD	*	1945	L.C.T.(4) 890	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGF	*	1945	L.C.T.(4) 891	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGG	*	1945	L.C.T.(4) 892	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGJ	*	1945	L.C.T.(4) 893	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDN	*	1945	L.C.T.(4) 894	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDP	*	1945	L.C.T.(4) 895	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGK	*	1945	L.C.T.(4) 896	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPZ	*	1945	L.C.T.(4) 897	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGL	*	1945	L.C.T.(4) 898	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGM	*	1945	L.C.T.(4) 899	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBQ	*	1945	L.C.T.(4) 900	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGN	*	1945	L.C.T.(4) 901	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDQ	*	1945	L.C.T.(4) 902	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBR	*	1945	L.C.T.(4) 903	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRB	*	1945	L.C.T.(4) 904	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDR	*	1945	L.C.T.(4) 905	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCC	*	1945	L.C.T.(4) 906	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRC	*	1945	L.C.T.(4) 907	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXWJ	*	1945	L.C.T.(4) 908	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCI	*	1945	L.C.T.(4) 909	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXQ	*	1945	L.C.T.(4) 910	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXSZ	*	1945	L.C.T.(4) 911	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYKD	*	1945	L.C.T.(4) 912	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXWK	*	1945	L.C.T.(4) 913	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDQP	*	1945	L.C.T.(4) 914	LANDING CRAFT TANK	*	*
MZXR	*	1945	L.C.T.(4) 915	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVP	*	1945	L.C.T.(4) 916	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVNB	*	1945	L.C.T.(4) 917	LANDING CRAFT TANK	*	*
BVRK	*	1945	L.C.T.(4) 919	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRD	*	1945	L.C.T.(4) 920	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCK	*	1945	L.C.T.(4) 921	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRF	*	1945	L.C.T.(4) 922	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRG	*	1945	L.C.T.(4) 923	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRI	*	1945	L.C.T.(4) 924	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRK	*	1945	L.C.T.(4) 925	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCL	*	1945	L.C.T.(4) 926	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCM	*	1945	L.C.T.(4) 927	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRL	*	1945	L.C.T.(4) 928	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGP	*	1945	L.C.T.(4) 929	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MXGQ	*	1945	L.C.T.(4) 930	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGR	*	1945	L.C.T.(4) 931	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGS	*	1945	L.C.T.(4) 932	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGT	*	1945	L.C.T.(4) 933	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGV	*	1945	L.C.T.(4) 934	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGX	*	1945	L.C.T.(4) 935	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGY	*	1945	L.C.T.(4) 936	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXGZ	*	1945	L.C.T.(4) 937	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIB	*	1945	L.C.T.(4) 938	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXJC	*	1945	L.C.T.(4) 939	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXJD	*	1945	L.C.T.(4) 940	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXJF	*	1945	L.C.T.(4) 941	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIG	*	1945	L.C.T.(4) 942	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIJ	*	1945	L.C.T.(4) 943	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIK	*	1945	L.C.T.(4) 944	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBS	*	1945	L.C.T.(4) 945	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBT	*	1945	L.C.T.(4) 946	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBV	*	1945	L.C.T.(4) 947	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDS	*	1945	L.C.T.(4) 948	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGZ	*	1945	L.C.T.(4) 949	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYIB	*	1945	L.C.T.(4) 950	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJC	*	1945	L.C.T.(4) 951	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIL	*	1945	L.C.T.(4) 952	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBW	*	1945	L.C.T.(4) 953	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDT	*	1945	L.C.T.(4) 954	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXTB	*	1945	L.C.T.(4) 955	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRM	*	1945	L.C.T.(4) 956	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCN	*	1945	L.C.T.(4) 957	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIM	*	1945	L.C.T.(4) 958	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIN	*	1945	L.C.T.(4) 959	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIP	*	1945	L.C.T.(4) 960	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIQ	*	1945	L.C.T.(4) 961	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBX	*	1945	L.C.T.(4) 962	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBY	*	1945	L.C.T.(4) 963	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYBZ	*	1945	L.C.T.(4) 964	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCB	*	1945	L.C.T.(4) 965	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDV	*	1945	L.C.T.(4) 966	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDW	*	1945	L.C.T.(4) 967	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCC	*	1945	L.C.T.(4) 968	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDX	*	1945	L.C.T.(4) 969	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDY	*	1945	L.C.T.(4) 970	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJD	*	1945	L.C.T.(4) 971	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYIF	*	1945	L.C.T.(4) 972	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJG	*	1945	L.C.T.(4) 973	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJJ	*	1945	L.C.T.(4) 974	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYJK	*	1945	L.C.T.(4) 975	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRP	*	1945	L.C.T.(4) 976	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRN	*	1945	L.C.T.(4) 977	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCD	*	1945	L.C.T.(4) 978	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYCF	*	1945	L.C.T.(4) 979	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYDZ	*	1945	L.C.T.(4) 980	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFB	*	1945	L.C.T.(4) 981	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFC	*	1945	L.C.T.(4) 994	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFD	*	1945	L.C.T.(4) 995	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYFF	*	1945	L.C.T.(4) 996	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTRQ	*	1945	L.C.T.(4) 997	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCP	*	1945	L.C.T.(4) 998	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXCQ	*	1945	L.C.T.(4) 999	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXB	*	1945	L.C.T.(5) 2002	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXC	*	1945	L.C.T.(5) 2004	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXD	*	1945	L.C.T.(5) 2005	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNB	*	1945	L.C.T.(5) 2008	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXF	*	1945	L.C.T.(5) 2009	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXG	*	1945	L.C.T.(5) 2010	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNC	*	1945	L.C.T.(5) 2011	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVND	*	1945	L.C.T.(5) 2012	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXJ	*	1945	L.C.T.(5) 2013	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXK	*	1945	L.C.T.(5) 2014	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNF	*	1945	L.C.T.(5) 2037	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXL	*	1945	L.C.T.(5) 2038	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKF	*	1945	L.C.T.(5) 2039	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXJS	*	1945	L.C.T.(5) 2040	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNG	*	1945	L.C.T.(5) 2041	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNI	*	1945	L.C.T.(5) 2042	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBG	*	1945	L.C.T.(5) 2043	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MVPN	*	1945	L.C.T.(5) 2044	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXM	*	1945	L.C.T.(5) 2045	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXN	*	1945	L.C.T.(5) 2046	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPS	*	1945	L.C.T.(5) 2047	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKQ	*	1945	L.C.T.(5) 2048	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBT	*	1945	L.C.T.(5) 2049	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNK	*	1945	L.C.T.(5) 2050	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPX	*	1945	L.C.T.(5) 2051	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNL	*	1945	L.C.T.(5) 2052	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNM	*	1945	L.C.T.(5) 2053	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXP	*	1945	L.C.T.(5) 2055	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIT	*	1945	L.C.T.(5) 2056	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMT	*	1945	L.C.T.(5) 2057	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIV	*	1945	L.C.T.(5) 2073	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBX	*	1945	L.C.T.(5) 2074	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBY	*	1945	L.C.T.(5) 2075	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPP	*	1945	L.C.T.(5) 2076	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPQ	*	1945	L.C.T.(5) 2077	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPW	*	1945	L.C.T.(5) 2078	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPR	*	1945	L.C.T.(5) 2079	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMY	*	1945	L.C.T.(5) 2119	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKK	*	1945	L.C.T.(5) 2120	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMW	*	1945	L.C.T.(5) 2121	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNN	*	1945	L.C.T.(5) 2123	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXQ	*	1945	L.C.T.(5) 2124	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXR	*	1945	L.C.T.(5) 2130	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXS	*	1945	L.C.T.(5) 2131	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKX	*	1945	L.C.T.(5) 2135	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXIW	*	1945	L.C.T.(5) 2138	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBP	*	1945	L.C.T.(5) 2150	*	*	*
MVMX	*	1945	L.C.T.(5) 2186	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXT	*	1945	L.C.T.(5) 2188	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXV	*	1945	L.C.T.(5) 2189	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNP	*	1945	L.C.T.(5) 2191	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXW	*	1945	L.C.T.(5) 2193	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXX	*	1945	L.C.T.(5) 2194	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKT	*	1945	L.C.T.(5) 2225	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXY	*	1945	L.C.T.(5) 2226	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXXZ	*	1945	L.C.T.(5) 2227	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYB	*	1945	L.C.T.(5) 2228	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNQ	*	1945	L.C.T.(5) 2229	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYC	*	1945	L.C.T.(5) 2230	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTJ	*	1945	L.C.T.(5) 2231	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYD	*	1945	L.C.T.(5) 2232	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYF	*	1945	L.C.T.(5) 2233	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBQ	*	1945	L.C.T.(5) 2234	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBS	*	1945	L.C.T.(5) 2235	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYG	*	1945	L.C.T.(5) 2236	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYJ	*	1945	L.C.T.(5) 2238	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNR	*	1945	L.C.T.(5) 2240	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMF	*	1945	L.C.T.(5) 2243	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXJF	*	1945	L.C.T.(5) 2245	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMG	*	1945	L.C.T.(5) 2246	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYK	*	1945	L.C.T.(5) 2261	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYL	*	1945	L.C.T.(5) 2262	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYM	*	1945	L.C.T.(5) 2263	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKG	*	1945	L.C.T.(5) 2264	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTK	*	1945	L.C.T.(5) 2265	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKY	*	1945	L.C.T.(5) 2266	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBW	*	1945	L.C.T.(5) 2269	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBB	*	1945	L.C.T.(5) 2270	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYN	*	1945	L.C.T.(5) 2272	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYP	*	1945	L.C.T.(5) 2273	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYQ	*	1945	L.C.T.(5) 2275	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYR	*	1945	L.C.T.(5) 2282	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYS	*	1945	L.C.T.(5) 2283	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBZ	*	1945	L.C.T.(5) 2285	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYT	*	1945	L.C.T.(5) 2286	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNS	*	1945	L.C.T.(5) 2287	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYV	*	1945	L.C.T.(5) 2289	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYW	*	1945	L.C.T.(5) 2291	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKS	*	1945	L.C.T.(5) 2292	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYX	*	1945	L.C.T.(5) 2295	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBC	*	1945	L.C.T.(5) 2296	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNT	*	1945	L.C.T.(5) 2297	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MXKN	*	1945	L.C.T.(5) 2301	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYY	*	1945	L.C.T.(5) 2302	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXYZ	*	1945	L.C.T.(5) 2303	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKP	*	1945	L.C.T.(5) 2304	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVMZ	*	1945	L.C.T.(5) 2306	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNV	*	1945	L.C.T.(5) 2307	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZB	*	1945	L.C.T.(5) 2309	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZC	*	1945	L.C.T.(5) 2310	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNW	*	1945	L.C.T.(5) 2313	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZD	*	1945	L.C.T.(5) 2331	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNW	*	1945	L.C.T.(5) 2333	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNX	*	1945	L.C.T.(5) 2334	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBD	*	1945	L.C.T.(5) 2336	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCB	*	1945	L.C.T.(5) 2337	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPY	*	1945	L.C.T.(5) 2338	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVNY	*	1945	L.C.T.(5) 2339	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBF	*	1945	L.C.T.(5) 2343	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZF	*	1945	L.C.T.(5) 2345	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTL	*	1945	L.C.T.(5) 2361	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKV	*	1945	L.C.T.(5) 2363	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPT	*	1945	L.C.T.(5) 2399	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTM	*	1945	L.C.T.(5) 2420	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZG	*	1945	L.C.T.(5) 2421	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXCC	*	1945	L.C.T.(5) 2422	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKZ	*	1945	L.C.T.(5) 2423	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPB	*	1945	L.C.T.(5) 2424	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPC	*	1945	L.C.T.(5) 2425	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZJ	*	1945	L.C.T.(5) 2426	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPM	*	1945	L.C.T.(5) 2427	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZK	*	1945	L.C.T.(5) 2428	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZL	*	1945	L.C.T.(5) 2429	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTN	*	1945	L.C.T.(5) 2430	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPD	*	1945	L.C.T.(5) 2432	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPF	*	1945	L.C.T.(5) 2433	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTPP	*	1945	L.C.T.(5) 2435	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZM	*	1945	L.C.T.(5) 2436	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZN	*	1945	L.C.T.(5) 2437	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPG	*	1945	L.C.T.(5) 2438	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZP	*	1945	L.C.T.(5) 2439	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPL	*	1945	L.C.T.(5) 2440	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZQ	*	1945	L.C.T.(5) 2441	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXKM	*	1945	L.C.T.(5) 2442	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTQ	*	1945	L.C.T.(5) 2444	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTR	*	1945	L.C.T.(5) 2445	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTY	*	1945	L.C.T.(5) 2447	LANDING CRAFT TANK	*	*
MYGM	*	1945	L.C.T.(5) 2449	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTS	*	1945	L.C.T.(5) 2450	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPJ	*	1945	L.C.T.(5) 2453	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZR	*	1945	L.C.T.(5) 2454	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZS	*	1945	L.C.T.(5) 2455	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTT	*	1945	L.C.T.(5) 2461	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBR	*	1945	L.C.T.(5) 2477	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPV	*	1945	L.C.T.(5) 2478	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZT	*	1945	L.C.T.(5) 2479	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBJ	*	1945	L.C.T.(5) 2483	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZV	*	1945	L.C.T.(5) 2484	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXJX	*	1945	L.C.T.(5) 2485	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXBV	*	1945	L.C.T.(5) 2487	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTV	*	1945	L.C.T.(5) 2490	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTW	*	1945	L.C.T.(5) 2491	LANDING CRAFT TANK	*	*
MXZW	*	1945	L.C.T.(5) 2498	LANDING CRAFT TANK	*	*
MVPK	*	1945	L.C.T.(5) 2458	LANDING CRAFT TANK	*	*
BTTX	*	1945	L.C.T.(5) 2500	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXVW	*	1945	L.C.T.(6) 3627	LANDING CRAFT TANK	*	*
GXVS	*	1945	L.C.T.(6) 3628	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVQ	*	1945	L.C.T.(8) 4001	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVR	*	1945	L.C.T.(8) 4002	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWM	*	1945	L.C.T.(8) 4003	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWN	*	1945	L.C.T.(8) 4004	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWP	*	1945	L.C.T.(8) 4005	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWQ	*	1945	L.C.T.(8) 4025	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWR	*	1945	L.C.T.(8) 4026	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPX	*	1945	L.C.T.(8) 4037	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVS	*	1945	L.C.T.(8) 4038	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVT	*	1945	L.C.T.(8) 4039	LANDING CRAFT TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QDVB	*	1945	L.C.T.(8) 4040	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWS	*	1945	L.C.T.(8) 4041	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWT	*	1945	L.C.T.(8) 4042	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWV	*	1945	L.C.T.(8) 4043	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDYL	*	1945	L.C.T.(8) 4044	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDYM	*	1945	L.C.T.(8) 4045	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWX	*	1945	L.C.T.(8) 4049	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDYN	*	1945	L.C.T.(8) 4050	LANDING CRAFT TANK	*	*
QCPY	*	1945	L.C.T.(8) 4061	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVV	*	1945	L.C.T.(8) 4062	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWY	*	1945	L.C.T.(8) 4063	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDWZ	*	1945	L.C.T.(8) 4064	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVW	*	1945	L.C.T.(8) 4073	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDXB	*	1945	L.C.T.(8) 4074	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVX	*	1945	L.C.T.(8) 4085	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDXC	*	1945	L.C.T.(8) 4086	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVC	*	1945	L.C.T.(8) 4097	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVY	*	1945	L.C.T.(8) 4098	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDXF	*	1945	L.C.T.(8) 4099	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDXG	*	1945	L.C.T.(8) 4100	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDVZ	*	1945	L.C.T.(8) 4128	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDYP	*	1945	L.C.T.(8) 4148	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDYQ	*	1945	L.C.T.(8) 4156	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDXL	*	1945	L.C.T.(8) 4164	LANDING CRAFT TANK	*	*
QDYR	*	1945	L.C.T.(8) 4165	LANDING CRAFT TANK	*	*
MRFB	*	1945	L.C.T.(R) 125	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT CZ	*	1945	L.C.T.(R) 419	LANDING CRAFT TANK	*	*
BT TG	*	1945	L.C.T.(5) 2122	LANDING CRAFT TANK	*	*
CZ TY	*	1945	L.S.E.(L.C.)50	LANDING SHIP EMERGENCY REPAIR	*	*
CZ PP	*	1945	L.S.E.(L.C.)51	LANDING SHIP EMERGENCY REPAIR	*	*
QC RS	*	1945	L.S.E.(L.C.)52	LANDING SHIP EMERGENCY REPAIR	*	*
CZ KY	*	1945	L.S.E.(L.C.)53	LANDING SHIP EMERGENCY REPAIR	*	*
CZ YJ	*	1945	L.S.E.(L.C.)54	LANDING SHIP EMERGENCY REPAIR	*	*
QDRP	*	1945	L.S.E.(L.S.)1	LANDING SHIP EMERGENCY REPAIR	*	*
QDRQ	*	1945	L.S.E.(L.S.)2	LANDING SHIP EMERGENCY REPAIR	*	*
GK ZP	*	1956	L.S.T. (3) 3031	*	*	*
GK ZP	*	1961	L.S.T. (3) 3031	*	*	*
GK ZP	*	1964	L.S.T. (3) 3031	*	ROYAL NAVY	*
QC WL	*	1945	L.S.T. 3522	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WM	*	1945	L.S.T. 3523	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WN	*	1945	L.S.T. 3524	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WP	*	1945	L.S.T. 3525	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WQ	*	1945	L.S.T. 3526	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WR	*	1945	L.S.T. 3527	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WS	*	1945	L.S.T. 3528	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WT	*	1945	L.S.T. 3529	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WV	*	1945	L.S.T. 3530	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WW	*	1945	L.S.T. 3531	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WX	*	1945	L.S.T. 3532	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WY	*	1945	L.S.T. 3533	LANDING SHIP TANK	*	*
QC WZ	*	1945	L.S.T. 3534	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XB	*	1945	L.S.T. 3535	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XC	*	1945	L.S.T. 3536	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XD	*	1945	L.S.T. 3537	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XF	*	1945	L.S.T. 3538	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XG	*	1945	L.S.T. 3539	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XJ	*	1945	L.S.T. 3540	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XK	*	1945	L.S.T. 3541	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XL	*	1945	L.S.T. 3542	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XM	*	1945	L.S.T. 3543	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XN	*	1945	L.S.T. 3544	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XP	*	1945	L.S.T. 3545	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XQ	*	1945	L.S.T. 3546	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XR	*	1945	L.S.T. 3547	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XS	*	1945	L.S.T. 3548	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XT	*	1945	L.S.T. 3549	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XV	*	1945	L.S.T. 3550	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XW	*	1945	L.S.T. 3551	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XX	*	1945	L.S.T. 3552	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XY	*	1945	L.S.T. 3553	LANDING SHIP TANK	*	*
QC XZ	*	1945	L.S.T. 3554	LANDING SHIP TANK	*	*
QC YB	*	1945	L.S.T. 3555	LANDING SHIP TANK	*	*
QC YC	*	1945	L.S.T. 3556	LANDING SHIP TANK	*	*
QC YD	*	1945	L.S.T. 3557	LANDING SHIP TANK	*	*
QC YF	*	1945	L.S.T. 3558	LANDING SHIP TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QCYG	*	1945	L.S.T. 3559	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYJ	*	1945	L.S.T. 3560	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYK	*	1945	L.S.T. 3561	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYL	*	1945	L.S.T. 3562	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYM	*	1945	L.S.T. 3563	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYN	*	1945	L.S.T. 3564	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYP	*	1945	L.S.T. 3565	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYQ	*	1945	L.S.T. 3566	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYR	*	1945	L.S.T. 3567	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYS	*	1945	L.S.T. 3568	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYT	*	1945	L.S.T. 3569	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYV	*	1945	L.S.T. 3570	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYW	*	1945	L.S.T. 3571	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYX	*	1945	L.S.T. 3572	LANDING SHIP TANK	*	*
QCY Y	*	1945	L.S.T. 3573	LANDING SHIP TANK	*	*
QCYZ	*	1945	L.S.T. 3574	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZB	*	1945	L.S.T. 3575	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZC	*	1945	L.S.T. 3576	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZD	*	1945	L.S.T. 3577	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZF	*	1945	L.S.T. 3578	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZG	*	1945	L.S.T. 3579	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZI	*	1945	L.S.T. 3580	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZK	*	1945	L.S.T. 3581	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZL	*	1945	L.S.T. 3582	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZM	*	1945	L.S.T. 3583	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZN	*	1945	L.S.T. 3584	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZP	*	1945	L.S.T. 3585	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZQ	*	1945	L.S.T. 3586	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZR	*	1945	L.S.T. 3587	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZS	*	1945	L.S.T. 3588	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZT	*	1945	L.S.T. 3589	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZV	*	1945	L.S.T. 3590	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZW	*	1945	L.S.T. 3591	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZX	*	1945	L.S.T. 3592	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZY	*	1945	L.S.T. 3593	LANDING SHIP TANK	*	*
QCZZ	*	1945	L.S.T. 3594	LANDING SHIP TANK	*	*
QDBB	*	1945	L.S.T. 3595	LANDING SHIP TANK	*	*
QDBC	*	1945	L.S.T. 3596	LANDING SHIP TANK	*	*
QDBD	*	1945	L.S.T. 3597	LANDING SHIP TANK	*	*
QDBF	*	1945	L.S.T. 3598	LANDING SHIP TANK	*	*
QDBG	*	1945	L.S.T. 3599	LANDING SHIP TANK	*	*
QDBJ	*	1945	L.S.T. 3600	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRN	*	1945	L.S.T.(2) 1021	LANDING SHIP TANK	*	*
CZNF	*	1945	L.S.T.(2) 11	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKW	*	1945	L.S.T.(2) 12	LANDING SHIP TANK	*	*
CZXY	*	1945	L.S.T.(2) 13	LANDING SHIP TANK	*	*
QDM D	*	1945	L.S.T.(2) 157	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYJ	*	1945	L.S.T.(2) 159	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYK	*	1945	L.S.T.(2) 160	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYL	*	1945	L.S.T.(2) 161	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYM	*	1945	L.S.T.(2) 162	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYN	*	1945	L.S.T.(2) 163	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYP	*	1945	L.S.T.(2) 164	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYT	*	1945	L.S.T.(2) 165	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRG	*	1945	L.S.T.(2) 173	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRJ	*	1945	L.S.T.(2) 178	LANDING SHIP TANK	*	*
CZMZ	*	1945	L.S.T.(2) 180	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYQ	*	1945	L.S.T.(2) 198	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYR	*	1945	L.S.T.(2) 199	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRU	*	1945	L.S.T.(2) 2	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYS	*	1945	L.S.T.(2) 200	LANDING SHIP TANK	*	*
CZPC	*	1945	L.S.T.(2) 214	LANDING SHIP TANK	*	*
CZPP	*	1945	L.S.T.(2) 215	LANDING SHIP TANK	*	*
CZPZ	*	1945	L.S.T.(2) 216	LANDING SHIP TANK	*	*
CZQC	*	1945	L.S.T.(2) 217	LANDING SHIP TANK	*	*
CZNC	*	1945	L.S.T.(2) 237	LANDING SHIP TANK	*	*
CZNN	*	1945	L.S.T.(2) 238	LANDING SHIP TANK	*	*
CZNZ	*	1945	L.S.T.(2) 239	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRL	*	1945	L.S.T.(2) 280	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMG	*	1945	L.S.T.(2) 289	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRB	*	1945	L.S.T.(2) 3	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKB	*	1945	L.S.T.(2) 301	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKD	*	1945	L.S.T.(2) 302	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKF	*	1945	L.S.T.(2) 303	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKG	*	1945	L.S.T.(2) 304	LANDING SHIP TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
CZSR	*	1945	L.S.T.(2) 305	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRM	*	1945	L.S.T.(2) 311	LANDING SHIP TANK	*	*
QDML	*	1945	L.S.T.(2) 315	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKJ	*	1945	L.S.T.(2) 319	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKL	*	1945	L.S.T.(2) 320	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKM	*	1945	L.S.T.(2) 321	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKN	*	1945	L.S.T.(2) 322	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKP	*	1945	L.S.T.(2) 323	LANDING SHIP TANK	*	*
CZST	*	1945	L.S.T.(2) 324	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMM	*	1945	L.S.T.(2) 326	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKK	*	1945	L.S.T.(2) 33 (LIVOS)	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRN	*	1945	L.S.T.(2) 331	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRP	*	1945	L.S.T.(2) 336	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRQ	*	1945	L.S.T.(2) 337	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKC	*	1945	L.S.T.(2) 34 (IIMNOS)	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCR	*	1945	L.S.T.(2) 346	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMQ	*	1945	L.S.T.(2) 347	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKZ	*	1945	L.S.T.(2) 35 (SAMOS)	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMB	*	1945	L.S.T.(2) 351	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRK	*	1945	L.S.T.(2) 352	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRL	*	1945	L.S.T.(2) 358	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRS	*	1945	L.S.T.(2) 360	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKQ	*	1945	L.S.T.(2) 361	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKR	*	1945	L.S.T.(2) 362	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKS	*	1945	L.S.T.(2) 363	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKT	*	1945	L.S.T.(2) 364	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKW	*	1945	L.S.T.(2) 366	LANDING SHIP TANK	*	*
CZSV	*	1945	L.S.T.(2) 367	LANDING SHIP TANK	*	*
CZSW	*	1945	L.S.T.(2) 368	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRT	*	1945	L.S.T.(2) 369	LANDING SHIP TANK	*	*
CZLC	*	1945	L.S.T.(2) 37 (CHIOS)	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRV	*	1945	L.S.T.(2) 371	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMP	*	1945	L.S.T.(2) 373	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKV	*	1945	L.S.T.(2) 375	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRW	*	1945	L.S.T.(2) 380	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMN	*	1945	L.S.T.(2) 381	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRX	*	1945	L.S.T.(2) 382	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRY	*	1945	L.S.T.(2) 383	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRZ	*	1945	L.S.T.(2) 385	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMF	*	1945	L.S.T.(2) 386	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRM	*	1945	L.S.T.(2) 394	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRC	*	1945	L.S.T.(2) 4	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKX	*	1945	L.S.T.(2) 401	LANDING SHIP TANK	*	*
CZKY	*	1945	L.S.T.(2) 402	LANDING SHIP TANK	*	*
CZLB	*	1945	L.S.T.(2) 403	LANDING SHIP TANK	*	*
CZLD	*	1945	L.S.T.(2) 404	LANDING SHIP TANK	*	*
CZLF	*	1945	L.S.T.(2) 405	LANDING SHIP TANK	*	*
CZSX	*	1945	L.S.T.(2) 406	LANDING SHIP TANK	*	*
CZLG	*	1945	L.S.T.(2) 407	LANDING SHIP TANK	*	*
CZSY	*	1945	L.S.T.(2) 408	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTB	*	1945	L.S.T.(2) 409	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTD	*	1945	L.S.T.(2) 410	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTF	*	1945	L.S.T.(2) 411	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTG	*	1945	L.S.T.(2) 412	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTJ	*	1945	L.S.T.(2) 413	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTK	*	1945	L.S.T.(2) 414	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTL	*	1945	L.S.T.(2) 415	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTM	*	1945	L.S.T.(2) 416	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTN	*	1945	L.S.T.(2) 417	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTP	*	1945	L.S.T.(2) 418	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTQ	*	1945	L.S.T.(2) 419	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTR	*	1945	L.S.T.(2) 420	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTS	*	1945	L.S.T.(2) 421	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTV	*	1945	L.S.T.(2) 422	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTW	*	1945	L.S.T.(2) 423	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTX	*	1945	L.S.T.(2) 424	LANDING SHIP TANK	*	*
CZTY	*	1945	L.S.T.(2) 425	LANDING SHIP TANK	*	*
CZVB	*	1945	L.S.T.(2) 426	LANDING SHIP TANK	*	*
CZVD	*	1945	L.S.T.(2) 427	LANDING SHIP TANK	*	*
CZVF	*	1945	L.S.T.(2) 428	LANDING SHIP TANK	*	*
CZVG	*	1945	L.S.T.(2) 429	LANDING SHIP TANK	*	*
CZVJ	*	1945	L.S.T.(2) 430	LANDING SHIP TANK	*	*
QCRK	*	1945	L.S.T.(2) 5	LANDING SHIP TANK	*	*
QDMC	*	1945	L.S.T.(2) 538	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYB	*	1945	L.S.T.(2) 62	LANDING SHIP TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
CZYD	*	1945	L.S.T.(2) 63	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYF	*	1945	L.S.T.(2) 64	LANDING SHIP TANK	*	*
CZYG	*	1945	L.S.T.(2) 65	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRD	*	1945	L.S.T.(2) 76	LANDING SHIP TANK	*	*
QDRF	*	1945	L.S.T.(2) 77	LANDING SHIP TANK	*	*
CZLZ	*	1945	L.S.T.(2) 79	LANDING SHIP TANK	*	*
CZNB	*	1945	L.S.T.(2) 8	LANDING SHIP TANK	*	*
CZLL	*	1945	L.S.T.(2) 80	LANDING SHIP TANK	*	*
CZMC	*	1945	L.S.T.(2) 81	LANDING SHIP TANK	*	*
CZMM	*	1945	L.S.T.(2) 82	LANDING SHIP TANK	*	*
CZND	*	1945	L.S.T.(2) 9	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCX	*	1945	L.S.T.(3) 3001	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCY	*	1945	L.S.T.(3) 3002	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCZ	*	1945	L.S.T.(3) 3003	LANDING SHIP TANK	*	*
QCDB	*	1945	L.S.T.(3) 3004	LANDING SHIP TANK	*	*
QCDC	*	1945	L.S.T.(3) 3005	LANDING SHIP TANK	*	*
QCDD	*	1945	L.S.T.(3) 3006	LANDING SHIP TANK	*	*
QCDF	*	1945	L.S.T.(3) 3007	LANDING SHIP TANK	*	*
QCDG	*	1945	L.S.T.(3) 3008	LANDING SHIP TANK	*	*
QCDJ	*	1945	L.S.T.(3) 3009	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCK	*	1945	L.S.T.(3) 3010	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKM	*	1945	L.S.T.(3) 3012	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKN	*	1945	L.S.T.(3) 3013	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKP	*	1945	L.S.T.(3) 3014	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKQ	*	1945	L.S.T.(3) 3015	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKR	*	1945	L.S.T.(3) 3016	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKS	*	1945	L.S.T.(3) 3017	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKT	*	1945	L.S.T.(3) 3018	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKV	*	1945	L.S.T.(3) 3019	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKW	*	1945	L.S.T.(3) 3020	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKX	*	1945	L.S.T.(3) 3021	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKY	*	1945	L.S.T.(3) 3022	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCKZ	*	1945	L.S.T.(3) 3023	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFCB	*	1945	L.S.T.(3) 3024	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFCF	*	1945	L.S.T.(3) 3025	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFD	*	1945	L.S.T.(3) 3026	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFF	*	1945	L.S.T.(3) 3027	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFCG	*	1945	L.S.T.(3) 3028	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFCJ	*	1945	L.S.T.(3) 3029	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFCK	*	1945	L.S.T.(3) 3030	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFL	*	1945	L.S.T.(3) 3031	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLM	*	1945	L.S.T.(3) 3032	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLN	*	1945	L.S.T.(3) 3033	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLP	*	1945	L.S.T.(3) 3034	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLQ	*	1945	L.S.T.(3) 3035	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLR	*	1945	L.S.T.(3) 3036	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLS	*	1945	L.S.T.(3) 3037	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLT	*	1945	L.S.T.(3) 3038	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLV	*	1945	L.S.T.(3) 3039	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLW	*	1945	L.S.T.(3) 3040	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLX	*	1945	L.S.T.(3) 3041	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLY	*	1945	L.S.T.(3) 3042	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFLZ	*	1945	L.S.T.(3) 3043	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGB	*	1945	L.S.T.(3) 3044	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGC	*	1945	L.S.T.(3) 3045	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGD	*	1945	L.S.T.(3) 3046	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGF	*	1945	L.S.T.(3) 3047	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGG	*	1945	L.S.T.(3) 3048	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGL	*	1945	L.S.T.(3) 3049	LANDING SHIP TANK	*	*
QCCK	*	1945	L.S.T.(3) 3050	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGL	*	1945	L.S.T.(3) 3051	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLM	*	1945	L.S.T.(3) 3052	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLN	*	1945	L.S.T.(3) 3053	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLP	*	1945	L.S.T.(3) 3054	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLQ	*	1945	L.S.T.(3) 3055	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLR	*	1945	L.S.T.(3) 3056	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLS	*	1945	L.S.T.(3) 3057	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLT	*	1945	L.S.T.(3) 3058	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLV	*	1945	L.S.T.(3) 3059	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLW	*	1945	L.S.T.(3) 3060	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLX	*	1945	L.S.T.(3) 3061	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLY	*	1945	L.S.T.(3) 3062	LANDING SHIP TANK	*	*
QCGLZ	*	1945	L.S.T.(3) 3063	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJB	*	1945	L.S.T.(3) 3064	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJC	*	1945	L.S.T.(3) 3065	LANDING SHIP TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QCJD	*	1945	L.S.T.(3) 3066	LANDING SHIP TANK	*	*
QCFE	*	1945	L.S.T.(3) 3067	LANDING SHIP TANK	*	*
QCIG	*	1945	L.S.T.(3) 3068	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJH	*	1945	L.S.T.(3) 3069	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJK	*	1945	L.S.T.(3) 3070	LANDING SHIP TANK	*	*
QCIL	*	1945	L.S.T.(3) 3071	LANDING SHIP TANK	*	*
QCIM	*	1945	L.S.T.(3) 3072	LANDING SHIP TANK	*	*
QCIN	*	1945	L.S.T.(3) 3073	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJP	*	1945	L.S.T.(3) 3074	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJQ	*	1945	L.S.T.(3) 3075	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJR	*	1945	L.S.T.(3) 3076	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJS	*	1945	L.S.T.(3) 3077	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJT	*	1945	L.S.T.(3) 3078	LANDING SHIP TANK	*	*
QCJV	*	1945	L.S.T.(3) 3079	LANDING SHIP TANK	*	*
QCIW	*	1945	L.S.T.(3) 3080	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSB	*	1945	L.S.T.(3) 3081	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSG	*	1945	L.S.T.(3) 3082	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSD	*	1945	L.S.T.(3) 3083	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSF	*	1945	L.S.T.(3) 3084	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSH	*	1945	L.S.T.(3) 3085	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSI	*	1945	L.S.T.(3) 3086	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSK	*	1945	L.S.T.(3) 3087	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSL	*	1945	L.S.T.(3) 3088	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSM	*	1945	L.S.T.(3) 3089	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSN	*	1945	L.S.T.(3) 3090	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSV	*	1945	L.S.T.(3) 3091	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSQ	*	1945	L.S.T.(3) 3092	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSR	*	1945	L.S.T.(3) 3093	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSS	*	1945	L.S.T.(3) 3094	LANDING SHIP TANK	*	*
QCST	*	1945	L.S.T.(3) 3095	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSV	*	1945	L.S.T.(3) 3096	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSW	*	1945	L.S.T.(3) 3097	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSX	*	1945	L.S.T.(3) 3098	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSV	*	1945	L.S.T.(3) 3099	LANDING SHIP TANK	*	*
QCSZ	*	1945	L.S.T.(3) 3100	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTB	*	1945	L.S.T.(3) 3101	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTC	*	1945	L.S.T.(3) 3102	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTD	*	1945	L.S.T.(3) 3103	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTF	*	1945	L.S.T.(3) 3104	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTG	*	1945	L.S.T.(3) 3105	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTH	*	1945	L.S.T.(3) 3106	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTI	*	1945	L.S.T.(3) 3107	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTL	*	1945	L.S.T.(3) 3108	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTM	*	1945	L.S.T.(3) 3109	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTN	*	1945	L.S.T.(3) 3110	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTP	*	1945	L.S.T.(3) 3111	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTQ	*	1945	L.S.T.(3) 3112	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTR	*	1945	L.S.T.(3) 3113	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTS	*	1945	L.S.T.(3) 3114	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTT	*	1945	L.S.T.(3) 3115	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTV	*	1945	L.S.T.(3) 3116	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTW	*	1945	L.S.T.(3) 3117	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTX	*	1945	L.S.T.(3) 3118	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTY	*	1945	L.S.T.(3) 3119	LANDING SHIP TANK	*	*
QCTZ	*	1945	L.S.T.(3) 3120	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVB	*	1945	L.S.T.(3) 3121	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVG	*	1945	L.S.T.(3) 3122	LANDING SHIP TANK	*	*
QCMD	*	1945	L.S.T.(3) 3123	LANDING SHIP TANK	*	*
QCMF	*	1945	L.S.T.(3) 3124	LANDING SHIP TANK	*	*
QCMG	*	1945	L.S.T.(3) 3125	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVI	*	1945	L.S.T.(3) 3500	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVK	*	1945	L.S.T.(3) 3501	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVL	*	1945	L.S.T.(3) 3502	LANDING SHIP TANK	*	*
QCMV	*	1945	L.S.T.(3) 3503	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVN	*	1945	L.S.T.(3) 3504	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVF	*	1945	L.S.T.(3) 3505	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVQ	*	1945	L.S.T.(3) 3506	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVR	*	1945	L.S.T.(3) 3507	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVS	*	1945	L.S.T.(3) 3508	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVT	*	1945	L.S.T.(3) 3509	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVV	*	1945	L.S.T.(3) 3510	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVW	*	1945	L.S.T.(3) 3511	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVX	*	1945	L.S.T.(3) 3512	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVY	*	1945	L.S.T.(3) 3513	LANDING SHIP TANK	*	*
QCVZ	*	1945	L.S.T.(3) 3514	LANDING SHIP TANK	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QCWB	*	1945	L.S.T.(3) 3515	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWC	*	1945	L.S.T.(3) 3516	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWD	*	1945	L.S.T.(3) 3517	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWF	*	1945	L.S.T.(3) 3518	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWG	*	1945	L.S.T.(3) 3519	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWJ	*	1945	L.S.T.(3) 3520	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWK	*	1945	L.S.T.(3) 3521	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWL	*	1945	L.S.T.(3) 3522	LANDING SHIP TANK	*	*
QCWM	*	1945	L.S.T.(3) 3523	*	*	*
QCWN	*	1945	L.S.T.(3) 3524	*	*	*
QCWP	*	1945	L.S.T.(3) 3525	*	*	*
QCWQ	*	1945	L.S.T.(3) 3526	*	*	*
QCWR	*	1945	L.S.T.(3) 3527	*	*	*
QCWS	*	1945	L.S.T.(3) 3528	*	*	*
QCWT	*	1945	L.S.T.(3) 3529	*	*	*
QCWW	*	1945	L.S.T.(3) 3530	*	*	*
QCWW	*	1945	L.S.T.(3) 3531	*	*	*
QCWX	*	1945	L.S.T.(3) 3532	*	*	*
QCWY	*	1945	L.S.T.(3) 3533	*	*	*
QCWZ	*	1945	L.S.T.(3) 3534	*	*	*
QCXB	*	1945	L.S.T.(3) 3535	*	*	*
QCXC	*	1945	L.S.T.(3) 3536	*	*	*
QCXD	*	1945	L.S.T.(3) 3537	*	*	*
QCXF	*	1945	L.S.T.(3) 3538	*	*	*
QCXG	*	1945	L.S.T.(3) 3539	*	*	*
QCXI	*	1945	L.S.T.(3) 3540	*	*	*
QCXK	*	1945	L.S.T.(3) 3541	*	*	*
QCXL	*	1945	L.S.T.(3) 3542	*	*	*
QCXM	*	1945	L.S.T.(3) 3543	*	*	*
QCXN	*	1945	L.S.T.(3) 3544	*	*	*
QCXP	*	1945	L.S.T.(3) 3545	*	*	*
QCXQ	*	1945	L.S.T.(3) 3546	*	*	*
QCXR	*	1945	L.S.T.(3) 3547	*	*	*
QCXS	*	1945	L.S.T.(3) 3548	*	*	*
QCXT	*	1945	L.S.T.(3) 3549	*	*	*
QCXV	*	1945	L.S.T.(3) 3550	*	*	*
QCXW	*	1945	L.S.T.(3) 3551	*	*	*
QCXX	*	1945	L.S.T.(3) 3552	*	*	*
QCXY	*	1945	L.S.T.(3) 3553	*	*	*
QCXZ	*	1945	L.S.T.(3) 3554	*	*	*
QCYB	*	1945	L.S.T.(3) 3555	*	*	*
QCYC	*	1945	L.S.T.(3) 3556	*	*	*
QCYD	*	1945	L.S.T.(3) 3557	*	*	*
QCYF	*	1945	L.S.T.(3) 3558	*	*	*
QCYG	*	1945	L.S.T.(3) 3559	*	*	*
QCYJ	*	1945	L.S.T.(3) 3560	*	*	*
QCYK	*	1945	L.S.T.(3) 3561	*	*	*
QCYL	*	1945	L.S.T.(3) 3562	*	*	*
QCYM	*	1945	L.S.T.(3) 3563	*	*	*
QCYN	*	1945	L.S.T.(3) 3564	*	*	*
QCYP	*	1945	L.S.T.(3) 3565	*	*	*
QCYQ	*	1945	L.S.T.(3) 3566	*	*	*
QCYR	*	1945	L.S.T.(3) 3567	*	*	*
QCY5	*	1945	L.S.T.(3) 3568	*	*	*
QCYT	*	1945	L.S.T.(3) 3569	*	*	*
QCYV	*	1945	L.S.T.(3) 3570	*	*	*
QCYW	*	1945	L.S.T.(3) 3571	*	*	*
QCYX	*	1945	L.S.T.(3) 3572	*	*	*
QCY Y	*	1945	L.S.T.(3) 3573	*	*	*
QCYZ	*	1945	L.S.T.(3) 3574	*	*	*
QCZB	*	1945	L.S.T.(3) 3575	*	*	*
QCZC	*	1945	L.S.T.(3) 3576	*	*	*
QCZD	*	1945	L.S.T.(3) 3577	*	*	*
QCZF	*	1945	L.S.T.(3) 3578	*	*	*
QCZG	*	1945	L.S.T.(3) 3579	*	*	*
QCZI	*	1945	L.S.T.(3) 3580	*	*	*
QCZK	*	1945	L.S.T.(3) 3581	*	*	*
QCZL	*	1945	L.S.T.(3) 3582	*	*	*
QCZM	*	1945	L.S.T.(3) 3583	*	*	*
QCZN	*	1945	L.S.T.(3) 3584	*	*	*
QCZP	*	1945	L.S.T.(3) 3585	*	*	*
QCZQ	*	1945	L.S.T.(3) 3586	*	*	*
QCZR	*	1945	L.S.T.(3) 3587	*	*	*
QCZS	*	1945	L.S.T.(3) 3588	*	*	*
QCZT	*	1945	L.S.T.(3) 3589	*	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
QCZY	*	1945	L.S.T.(3) 3590	*	*	*
QCZW	+	1945	L.S.T.(3) 3591	*	*	*
QCZX	+	1945	L.S.T.(3) 3592	*	*	*
QCZY	+	1945	L.S.T.(3) 3593	*	*	*
QCZZ	+	1945	L.S.T.(3) 3594	*	*	*
QDBB	+	1945	L.S.T.(3) 3595	*	*	*
QDBC	+	1945	L.S.T.(3) 3596	*	*	*
QDBD	+	1945	L.S.T.(3) 3597	*	*	*
QDBF	+	1945	L.S.T.(3) 3598	*	*	*
QDBG	+	1945	L.S.T.(3) 3599	*	*	*
QDBJ	+	1945	L.S.T.(3) 3600	*	*	*
QCDM	+	1945	L.S.T.(Q) 1	LANDING SHIP TANK	*	*
QCDN	+	1945	L.S.T.(Q) 2	LANDING SHIP TANK	*	*
GTSG	FY 362	1945	L'ATLANTIQUE	A/S TRAWLER	FRENCH	REGISTERED - HULL
+	4 PT 369	1945	L'AVENTURE		*	*
BJRK	K PT 263	1945	L'AVENTURE	CORVETTE/FRIGATE	FRENCH	*
BJSD	K PT 267	1945	L'ESCARMOUCHE	CORVETTE/FRIGATE	FRENCH	*
+	4 PT 317	1945	LA BELLE POULE		*	*
MRRJ	+	1945	LA ROUDEUSE	*	FRANCE	*
GSZR	U PT 92	1945	LA CAPRICIENSE	SLOOP	*	*
MQKS	L PT 19	1945	LA COMBATTANTE	DESTROYERS	*	*
MSBL	K PT 370	1945	LA DECOUVERTE	CORVETTE/FRIGATE	FRENCH	*
+	4 PT 366	1945	LA ETOILE		*	*
VSBO	*	1961	LA FEE	*	SARAWAK	*
GTVP	+	1945	LA FRENE	*	*	*
MRRN	+	1945	LA GRACIEUSE	*	FRANCE	*
GJYM	+	1945	LA GRANDIER	*	FRANCE	*
CGWV	*	1964	LA HILLOUSE	*	CANADA	R.C.N.
CGWV	K PT 668	1945	LA HULLOISE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
CGWV	*	1956	LA HULOIOISE	*	CANADA	R.C.N.
CGWV	*	1961	LA HULOIOISE	*	CANADA	R.C.N.
CYQX	K PT 273	1945	LA MALBAIE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GSZS	K PT 46	1945	LA MALOUIINE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GSZZ	U PT 17	1945	LA MOQUEUSE	SLOOP	FRENCH	*
GTSB	FY 360	1945	LA NANTAISE	A/S TRAWLER	FRENCH	REGISTERED - HULL
+	4 PT 330	1945	LA PARNELLE		*	*
GJZW	+	1945	LA SABLAISE	*	FRANCE	*
GKBF	+	1945	LA SERTOISE	*	FRANCE	*
GJZY	+	1945	LA SERVANNAIS	*	FRANCE	*
GKBR	+	1945	LA SULTANE	*	FRANCE	*
MWIKZ	K PT 292	1945	LA SURPRISE	CORVETTE/FRIGATE	FRENCH	*
QGX8	+	1945	LA TARENMULE	*	FRANCE	*
GKCD	+	1945	LA TOULONNAISE	*	FRANCE	*
GKCI	+	1945	LA VERSTALE	*	FRANCE	*
MZKK	+	1945	LABONOISE	*	FRANCE	*
CGVN	*	1956	LABRADOR	*	CANADA	R.C.N.
CGGM	*	1961	LABRADOR	*	CANADA	DEPT OF TRANSPORT
ZSJZ	*	1939	LABRUS	*	SOUTH AFRICA	*
MYZD	K PT 584	1945	LABUAN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
VLNV	*	1956	LABUAN	*	AUSTRALIA	R.A.N.
GRPK	+	1928	LABURNUM	SLOOP	ROYAL NAVY	*
MPZQ	FY 712	1945	LACENNIA	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
+	4 PT 07	1945	LACERTA		*	*
CYQK	J PT 266	1945	LACHINE	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
VKMX	K PT 364	1945	LACHIAN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
VKMX	*	1956	LACHIAN (ON LOAN)	*	NEW ZEALAND	R.N.Z.N.
VKMX	*	1961	LACHIAN (ON LOAN)	*	NEW ZEALAND	R.N.Z.N.
VKMX	*	1964	LACHIAN (ON LOAN)	*	NEW ZEALAND	R.N.Z.N.
CZJJ	K PT 440	1945	LACHUTE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
CGGK	*	1961	LACUNA	*	CANADA	FISHERIES PROTECTION
GRPQ	+	1928	LADAS	SLOOP	ROYAL NAVY	*
VQMA	*	1961	LADY BERBICE	*	BRITISH GUIANA	*
MKPK	FY 100	1945	LADY BERYL	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - HULL
MQNM	FY 014	1945	LADY BLANCHE	A/S YACHT	*	REGISTERED - SOUTHAMPTON
GQWY	+	1945	LADY BRASSEY	*	*	*
GWMI	+	1891	LADY CARMICHAEL (THE)	STEAM VESSEL	UK - POST OFFICE	*
KJTC	+	1928	LADY CLIFFORD (THE)	DREDGER	NIGERIA	GOVERNMENT OF
VRXP	*	1939	LADY CLIFFORD (THE)	*	NIGERIA	*
GWCC	*	1928	LADY CRADDOCK	TRAWLER	ROYAL INDIA MARINE	GOVERNMENT OF BURMA
VVRF	*	1939	LADY CRADDOCK	*	BURMA	*
GWCP	+	1891	LADY EDITH	COASTGUARD VESSEL	INDIA MARINE - BOMBAY	*
GWJK	Z PT 226	1945	LADY ELEANOR	BOOM DEFENCE	*	*
ZSDQ	*	1939	LADY ELIZABETH	*	SOUTH AFRICA	*
GZQY	FY 124	1945	LADY ELSA	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - HULL
GWNT	FY 547	1945	LADY ENID	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
*	4 PT 176	1945	LADY ESTELLE		*	*
GWCP	*	1910	LADY FRASER	PILOT VESSEL	R.I.M. - BENGAL	STEAM PILOT VESSEL
GWCP	*	1928	LADY FRASER	STEAM PILOT VESSEL	ROYAL INDIA MARINE	BENGAL
VWDZ	*	1939	LADY FRASER	STEAM PILOT VESSEL	BENGAL	*
GWCD	*	1928	LADY GOSCHEN	TRAWLER	ROYAL INDIA MARINE	MADRAS
CGSY	*	1939	LADY GREY	LIGHT TENDER/ICE BREAKER	CANADA	*
GWSF	*	1928	LADY GUGGISBERG	*	GOLD COAST	GOVERNMENT OF
GCGL	4 PT 89	1945	LADY HOGARTH		*	REGISTERED HULL
MZGC	*	1945	LADY HOLLIS	*	*	*
ZBND	*	1910	LADY ISLE	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND WEST COAST
ZBND	*	1928	LADY ISLE	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND - WEST COAST
CGSL	*	1939	LADY LAURIER	LIGHT TENDER	CANADA	*
GWWB	FY 283	1945	LADY MADELEINE	A/S TRAWLER	*	*
VDBY	*	1961	LADY MARIORY	*	CANADA	LIGHTHOUSE TENDER
GWCR	*	1928	LADY NICHOLSON	MOTOR VESSEL	ROYAL INDIA MARINE	SEA GOING. MADRAS FISHERIES
VVRG	*	1939	LADY NICHOLSON	*	M.F.D.	MADRAS FISHERIES DEPT.
VVRG	*	1956	LADY NICHOLSON	*	MADRAS	FISHERY DEPT.
VVRG	*	1961	LADY NICHOLSON	*	MADRAS	FISHERY DEPT.
VQMD	*	1961	LADY NORTHCOTE	*	BRITISH GUIANA	*
*	4 PT 95	1945	LADY OF MANN		*	*
GYQZ	FY 148	1945	LADY PHILOMENA	A/S TRAWLER	*	*
GCCN	4 PT 150	1945	LADY ROSEMARY		*	REGISTERED HULL
MMJL	FY 015	1945	LADY SHAHRAZAD	A/S YACHT	*	REGISTERED - SOUTHAMPTON
*	4 PT 233	1945	LADY STANLEY		*	*
VTFS	*	1939	LADY WILLINGDON	*	COCHIN	COCHIN HARBOUR
VTFS	*	1956	LADY WILLINGDON	*	COCHIN HARBOUR	*
VTFS	*	1961	LADY WILLINGDON	*	*	COCHIN HARBOUR
VWBZ	*	1939	LADY WILSON	STEAM PILOT VESSEL	B.P.T.	BOMBAY PORT TRUST
ZBSD	*	1961	LADY WRIGHT	*	GAMBIA	*
GRPL	*	1928	LADYBIRD	GUN BOAT	ROYAL NAVY	*
GVRG	*	1939	LADYBIRD	*	*	*
VLNT	*	1956	LAE	*	AUSTRALIA	R.A.N.
GPZW	*	1945	LAERTES	*	*	*
QBCQ	J PT 433	1945	LAERTES	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
MWFL	*	1956	LAERTES	*	*	*
GWSD	*	1928	LAGO PATHFINDER	BUOYAGE VESSEL	NIGERIA	GOVERNMENT OF
BTNP	R PT 44	1945	LAGOS	DESTROYER	*	*
GGTK	*	1956	LAGOS	*	*	*
GGTK	*	1961	LAGOS	*	*	*
GGTK	*	1964	LAGOS	*	ROYAL NAVY	*
GWSC	*	1928	LAGOS ATLAS	TUG	NIGERIA	GOVERNMENT OF
VRXR	*	1939	LAGOS ATLAS	*	NIGERIA	*
VRXT	*	1939	LAGOS VULCAN	*	NIGERIA	*
GTFB	4 PT 373	1945	LAGUNA BELLE		*	REGISTERED LONDON
MMKD	*	1939	LAHLOO	DIESEL	R.Y.S.	*
MMKD	*	1945	LAHLOO	*	*	*
VWKW	T PT 253	1945	LAHORE	*	*	*
ARLF	*	1956	LAHORE	*	PAKISTAN	*
GPBR	4 PT 21	1945	LAIRD'S ISLE		*	REGISTERED GLASGOW
MPGQ	Y PT 3.8	1945	LAKELAND	COLLIER	*	*
CGQR	*	1956	LAKEWOOD	*	CANADA	R.C.N.
CGQR	*	1961	LAKEWOOD	*	CANADA	R.C.N.
CGQR	*	1964	LAKEWOOD	*	CANADA	R.C.N.
VWPP	T PT 299	1945	LAL	*	*	*
MRRF	*	1945	L'ALCYON	*	FRANCE	*
GSCR	*	1956	LALESTON	*	*	*
GSCR	*	1961	LALESTON	*	*	*
GSCR	*	1964	LALESTON	*	ROYAL NAVY	*
MRRG	*	1945	L'ALGEROISE	*	FRANCE	*
MBDW	*	1961	LAMARIE	*	ROYAL YACHT SQUADRON	*
QDKP	*	1945	LAMENTIN	*	FRANCE	*
GBYQ	L PT 88	1945	LAMERTON	DESTROYERS	*	*
CGFR	*	1961	LAMNA	*	CANADA	FISHERIES PROTECTION
*	4 PT 420	1945	LAMONT		*	*
*	Z PT 253	1945	LANAKIA	BOOM DEFENCE	*	*
CGWX	K PT 669	1945	LANARK	CORVETTE/FRIGATE	*	*
CGRE	*	1956	LANARK	*	CANADA	R.C.N.
CGRE	*	1961	LANARK	*	CANADA	R.C.N.
CGRE	*	1964	LANARK	*	CANADA	R.C.N.
GLZC	Y PT 4.3	1945	LANCASHIRE	MOTOR TRANSPORT	*	*
GSJP	*	1910	LANCASTER	TWIN SCREW CRUISER	ROYAL NAVY	14 GUNS
GPQJ	G PT 05	1945	LANCASTER	DESTROYER	*	*
MZSC	K PT 691	1945	LANCASTER CASTLE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MZSC	*	1956	LANCASTER CASTLE	*	*	*
GBZM	G PT 87	1945	LANCE	DESTROYER	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GYFB	T PT 335	1945	LANCER	*	*	*
RVFM	+	1891	LANCER (The)		ROYAL YACHT SQUADRON	
QCKB	+	1945	LANCIER (R.S.)	*	*	*
GRPF	+	1928	LANDFALL	DRIFTER	ROYAL NAVY	*
GVRD	*	1939	LANDFALL	*	*	*
ZBFG	*	1910	LANDGUARD	LIGHT	TRINITY HOUSE	HARWICH NEAR EXTREMITY OF POINT
BGDK	Y PT 56	1945	LANDGUARD	CUTTER	*	*
GSJR	+	1891	LANDRAIL	TWIN SCREW GUN VSL.	ROYAL NAVY	4 GUNS
CGRV	*	1956	LANGARA	*	CANADA	R.C.N.
CGRV	*	1961	LANGARA	*	CANADA	R.C.N.
CGRV	*	1964	LANGARA	*	CANADA	R.C.N.
GWVQ	*	1910	LANGDON	STEAMSHIP	WAR DEPARTMENT	*
GWVQ	+	1928	LANGDON	*	UK - WAR DEPARTMENT	*
9MNB	*	1961	LANGKA SUKA	*	MALAYA	*
9MNC	*	1964	LANGKA SUKA	*	MALAYSIA NAVY	*
ZTDJ	T PT 441	1945	LANGLAAGTE	*	*	*
QDKL	+	1945	LANGLADE	*	FRANCE	*
ZBPC	*	1910	LANGNESS	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND WEST COAST ISLE OF MAN
ZBPC	+	1928	LANGNESS ISLE OF MAN	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - WEST COAST
GWKF	+	1910	LANDSDOWNE	STEAMSHIP	WAR DEPARTMENT	*
QGCM	+	1945	LANSQUENET	*	FRANCE	*
NHGV	+	1928	LANTANA	SINGLE SCREW STEAMER	ROYAL YACHT SQUADRON	*
GSCS	*	1956	LANTON	*	*	*
GSCS	*	1961	LANTON	*	*	*
GSCS	*	1964	LANTON	*	ROYAL NAVY	*
GGGD	*	1939	LANYARD	*	*	*
GGGD	*	1956	LANYARD	*	ADMIRALTY	*
GGGD	*	1961	LANYARD	*	ADMIRALTY	*
GGGD	*	1964	LANYARD	*	UK - ADMIRALTY	*
GRQF	Z PT 243	1945	LAOMEDON	BOOM DEFENCE	*	*
GMXQ	Y PT 7.46	1945	LAPAGERIA	*	*	*
GSJV	+	1891	LAPWING	SINGLE SCREW GUN BOAT	ROYAL NAVY	6 GUNS
GSJV	*	1910	LAPWING	SINGLE SCREW GUN BOAT	ROYAL NAVY	2 GUNS
MKFS	U PT 62	1945	LAPWING	SLOOP	*	*
GGMN	T PT 96	1945	LARCH	TRAWLER	*	*
GRPH	+	1928	LARCHOL	ROYAL FLEET AUX	ROYAL NAVY	*
GVWY	*	1939	LARCHOL	*	*	*
GVWY	*	1956	LARCHOL	*	ADMIRALTY	*
GVWY	*	1961	LARCHOL	*	ADMIRALTY	*
MWQV	*	1956	LARGO BAY	*	*	*
GTNP	F PT 43	1945	LARGS	ARMED MERCHANT CRUISER	*	*
BJXY	W PT 17	1945	LARIAT	TUG	*	*
BGXY	U PT 11	1945	LARK	SLOOP	*	*
BJST	Q PT 42	1945	LARMOR	ML/CHASSEUR/SURVEY ML	*	*
GSJW	*	1910	LARNE	TURBINE DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT BUILDING
MWLK	J PT 274	1945	LARNE	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
MPSM	+	1945	LAROC	*	*	*
MLSW	*	1956	LARPH	*	ROYAL YACHT SQUADRON	*
ZTBK	T PT 505	1945	LARSEN	*	*	*
CGWG	K PT 519	1945	LASALLE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MRFW	*	1956	LASHAM	*	*	*
MRFW	*	1961	LASHAM	*	*	*
MRFW	*	1964	LASHAM	*	ROYAL NAVY	*
GGBJ	*	1939	LISSO	*	*	*
GGBJ	Z PT 76	1945	LISSO	BOOM DEFENCE	*	*
GGBJ	*	1956	LISSO	*	ADMIRALTY	*
+	Y PT 2.92	1945	LATEEF	ARMAMENT STORE CARRIER	*	*
MLLX	*	1939	LATIFA	YAWL	R.Y.S.	*
MZRB	Z PT 267	1945	LATIMER	BOOM DEFENCE	*	*
GSKC	+	1891	LATONA	TWIN SCREW CRUISER	ROYAL NAVY	8 GUNS
GSKC	*	1910	LATONA	TWIN SCREW MINING SH.	ROYAL NAVY	
VLFY	*	1956	LATONA	DREDGE	AUSTRALIA	N.S.WALES
VLFY	*	1961	LATONA	DREDGE	AUSTRALIA	NEW SOUTH WALES
VLNG	*	1956	LATROBE	*	AUSTRALIA	R.A.N.
BDBT	J PT 234	1945	LATROBE	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
VSCA	*	1961	L'AUBAINE	*	SARAWAK	*
GBYW	L PT 95	1945	LAUDERDALE	DESTROYERS	*	*
MNDQ	+	1945	LAUGHING WATERS	*	*	*
VLSS	J PT 179	1945	LAUNCESTON	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
HWLW	+	1945	LAUNCESTON CASTLE	*	*	*
MWLW	*	1956	LAUNCESTON CASTLE	*	*	*
VKXZ	*	1961	LAUNCHES CRASH 08-28	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXD	*	1961	LAUNCHES CRASH 08-32	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXF	*	1961	LAUNCHES CRASH 08-33	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXG	*	1961	LAUNCHES CRASH 08-34	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
VKXQ	*	1961	LAUNCHES CRASH 08 41	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXB	*	1961	LAUNCHES CRASH 08 44	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRI	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR BIRD)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRL	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR CLAN)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRN	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR CLOUD)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRC	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR FAITH)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRF	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR GUIDE)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRQ	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR SAILOR)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRK	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR SAVE)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRG	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR SENSE)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRD	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR SPRAY)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRM	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR VIEW)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKRR	*	1961	LAUNCHES S.A.R. (AIR WATCH)	R.A.A.F.	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXV	*	1961	LAUNCHES S.A.R. 02-12	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXW	*	1961	LAUNCHES S.A.R. 02-13	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXX	*	1961	LAUNCHES S.A.R. 02-14	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
VKXY	*	1961	LAUNCHES S.A.R. 02-15	*	AUSTRALIA	COMMONWEALTH OF AUSTRALIA
HNBM	*	1928	LAURA	AUXILIARY CUTTER	ROYAL YACHT SQUADRON	*
MCWG	*	1939	LAURA	AUX. CUTTER	R.Y.S.	*
MZQD	+	1945	LAURANA	*	*	*
GXXD	*	1939	LAUREL	*	*	*
+	4 PT 417	1945	LAUREL	*	*	*
CGSQ	*	1939	LAURETIAN	LIGHT TENDER	CANADA	*
CGPC	*	1945	LAURIER	*	*	*
CGFL	*	1961	LAURIER	*	CANADA	FISHERIES PROTECTION
CGFL	*	1964	LAURIER	*	CANADA	FISHERIES PROTECTION
CYVH	*	1956	LAUZON	*	CANADA	R.C.N.
CYVH	*	1961	LAUZON	*	CANADA	R.C.N.
CGWZ	K PT 671	1945	LAUZON	CORVETTE/FRIGATE	*	*
CGLC	J PT 371	1945	LAVALLEE	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
GWVX	+	1945	LAVATERA	*	*	*
GCNX	K PT 60	1945	LAVENDER	CORVETTE/FRIGATE	*	*
KCHG	+	1928	LAVENGRO	AUXILIARY KETCH	ROYAL YACHT SQUADRON	*
QDKN	+	1945	L'AVENIR-DU-PAYS	*	FRANCE	*
NWPT	*	1910	LAVEROCK	YAWL	ROYAL YACHT SQUADRON	*
BXRT	Z PT 240	1945	LAVEROCK	BOOM DEFENCE	*	*
GWQC	+	1891	LAWRENCE	STEAMER	INDIA MARINE	*
GWQC	*	1910	LAWRENCE	STEAMER	R.I.M.	*
GWCI	+	1928	LAWRENCE	*	ROYAL INDIA MARINE	*
VWFL	U PT 83	1945	LAWRENCE	SLOOP	*	*
VWFL	*	1939	LAWRENCE	*	R.I.N.	*
GNZN	+	1945	LAWS	*	*	*
MWYJ	K PT 516	1945	LAWSON	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTPG	+	1945	LAWSON (CABLE)	*	*	*
VTCV	FY 090	1945	LAXMI	M/S YACHT	*	REGISTERED - BOMBAY
VSBC	*	1961	LAYANG LAUT	*	SARAWAK	*
ZIIL	*	1961	LAYANG LAYANG	*	SARAWAK	*
GDFH	*	1961	LAYBURN	*	*	*
GDFH	*	1964	LAYBURN	*	ROYAL NAVY	*
GDCH	*	1961	LAYMOOR	*	*	*
GDCH	*	1964	LAYMOOR	*	ROYAL NAVY	*
CGQC	*	1956	LAYMORE	*	CANADA	R.C.N.
CGQC	*	1961	LAYMORE	*	CANADA	R.C.N.
CGQC	*	1964	LAYMORE	*	CANADA	R.C.N.
QCJZ	+	1945	LE CENTAUR (F.S)	*	FRANCE	*
QGXG	+	1945	LE COOLIE	*	FRANCE	*
MRRL	+	1945	LE FORTUNE	*	FRANCE	*
MRRM	P PT 17	1945	LE GLORIEUX	SUBMARINE	FRENCH	*
CGKB	*	1956	LE HAVE	*	CANADA	R.C.N.
BJSV	Q PT 43	1945	LE LAVANDOU	MI/CHASSEUR/SURVEY MI	*	*
QGXG	+	1945	LE MALABAR	*	FRANCE	*
QGXF	+	1945	LE SCORPION	*	FRANCE	*
GZQV	FY 243	1945	LE TIGER	A/S TRAWLER	*	*
GRQH	+	1928	LEAMINGTON	MINESWEEPER	ROYAL NAVY	*
GSKH	+	1891	LEANDER	TWIN SCREW CRUISER	ROYAL NAVY	10 GUNS
GSKH	*	1910	LEANDER	TWIN SCREW DEPOT SH	ROYAL NAVY	TORPEDO DEPOT SHIP
SGFK	*	1910	LEANDER	YAWL	ROYAL YACHT SQUADRON	*
SGFK	+	1928	LEANDER	YAWL	ROYAL YACHT SQUADRON	*
GVRF	*	1939	LEANDER	*	*	*
MFGF	*	1939	LEANDER	AUX. BMU KETCH	R.Y.S.	*
GVRF	75	1945	LEANDER	CRUISER	*	*
GHQW	*	1964	LEANDER	*	ROYAL NAVY	*
GVRF	75	1945	LEANDER	LEANDER - LIGHT CRUISER	*	SCRAPPED 1949
CGQQ	K PT 492	1945	LEASIDE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
ZBPW	*	1910	LEASOWE	LIGHT	TRINITY HOUSE	LIVERPOOL BAY, MERSEY/DEE RIVERS

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GSKJ	*	1891	LEDA	TWIN SCREW GUN BOAT	ROYAL NAVY	2 GUNS, BUILDING
GSKJ	*	1910	LEDA	TWIN SCREW GUN BOAT	ROYAL NAVY	2 GUNS
GGCC	*	1939	LEDA	*	*	*
GGCC	J PT 93	1945	LEDA	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
MWPP	Y PT 1.21	1945	LEDAAL (V.S.I.S.)	VICTUALLING STORE ISSUING SHIP	*	*
GCFV	*	1956	LEDBURY	*	*	*
GCFV	L PT 90	1945	LEDBURY	DESTROYERS	*	*
GSDD	*	1956	LED SHAM	*	*	*
GSDD	*	1961	LED SHAM	*	*	*
GSDD	*	1964	LED SHAM	*	ROYAL NAVY	*
BBDY	G PT 27	1945	LEEDS	DESTROYER	*	*
MWKW	*	1956	LEEDS CASTLE	*	*	*
MWKW	K PT 384	1945	LEEDS CASTLE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GW MV	FY 196	1945	LEEDS UNITED	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - HULL
CYWN	+	1945	LEELO	*	*	*
GRPM	+	1928	LEEWARD	DRIFTER	ROYAL NAVY	*
GVRG	*	1939	LEEWARD	*	*	*
GVRG	Z PT 93	1945	LEEWARD	DRIFTER	*	*
QGCN	+	1945	LEGIONNAIRE	*	FRANCE	*
BTVV	+	1945	LEGIONNARIO (I.S.)	*	*	*
GYCN	FY 223	1945	LEICESTER CITY	A/S TRAWLER	*	*
GVRJ	*	1939	LEITH	*	*	*
GVRJ	U PT 36	1945	LEITH	SLOOP	*	*
AFNV	*	1910	LEMAN AND OWER	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	*
GGMS	*	1956	LENNOX	*	*	*
GGMS	*	1961	LENNOX	*	*	*
MXLL	*	1964	LENNOX	*	ROYAL NAVY	*
BJSQ	J PT 276	1945	LENNOX	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
*	FY 859	1945	LEO	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
BBFV	Z PT 197	1945	LEONIAN	BOOM DEFENCE	*	*
PQWK	+	1928	LEONID	CUTTER	ROYAL YACHT SQUADRON	*
+	+	1945	LEONORA	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GSKM	*	1910	LEOPARD	TWIN SCREW DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT
MTYF	*	1956	LEOPARD	*	*	*
MTYF	*	1961	LEOPARD	*	*	*
MTYF	*	1964	LEOPARD	*	ROYAL NAVY	*
GSVJ	Y PT 7.17	1945	LEPHRETO	*	*	*
GKRR	+	1945	LEPRECHAUN	*	*	*
QFLM	+	1945	LETE (I.S.)	*	*	*
CGVJ	K PT 160	1945	LETHBRIDGE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
LNBD	*	1910	LETHE	YAWL	ROYAL YACHT SQUADRON	*
GLBX	F PT 16	1945	LETITIA	ARMED MERCHANT CRUISER	+	*
GKRM	+	1945	LETNA	*	+	*
GTXG	+	1945	L'ETOILE	*	+	*
GSCT	*	1956	LETTERSTON	*	+	*
GSCT	*	1961	LETTERSTON	*	*	*
GSCT	*	1964	LETTERSTON	*	ROYAL NAVY	*
MZGQ	FY 701	1945	LEVANTER	M/S TRAWLER/DRIFTER	+	*
GSKN	*	1910	LEVEN	TWIN SCREW DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT
GSRR	*	1956	LEVERTON	*	*	*
GSRR	*	1961	LEVERTON	*	*	*
GSRR	*	1964	LEVERTON	*	ROYAL NAVY	*
GSKF	*	1910	LEVIATHAN	TWIN SCREW CRUISER	ROYAL NAVY	18 GUNS
GKZM	*	1956	LEVIATHAN	*	*	*
GKZM	*	1961	LEVIATHAN	*	*	*
GKZM	*	1964	LEVIATHAN	*	ROYAL NAVY	*
CGNT	K PT 400	1945	LEVIS	CORVETTE/FRIGATE	+	*
GPQD	G PT 68	1945	LEWES	DESTROYER	+	*
MXRT	*	1961	LEWISTON	*	+	*
MXRT	*	1964	LEWISTON	*	ROYAL NAVY	*
MLNN	FY 061	1945	LEXA	M/S YACHT	+	REGISTERED - LONDON
VJXK	*	1956	LIAWENEE	FISHERIES RESEARCH VSL	TASMANIA AUSTRALIA	TASMANIA
VJXK	*	1961	LIAWENEE	TUG	TASMANIA	*
VJXK	*	1961	LIAWENEE	*	AUSTRALIA	FISHERIES RESEARCH
BJJD	FY 1650	1945	LIBERATOR	M/S TRAWLER/DRIFTER	+	*
GQSS	FY 1826	1945	LIBERIA	M/S TRAWLER/DRIFTER	+	*
GSKP	+	1891	LIBERTY	*	ROYAL NAVY	8 GUNS, TRAINING SHIP
MW TY	J PT 391	1945	LIBERTY	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	+	*
+	FY 957	1945	LIBERTY	M/S TRAWLER/DRIFTER	+	*
BXZQ	+	1945	LIBRA	*	DUTCH	*
BTWD	+	1945	LIBRA (I.S.)	*	+	*
GRFP	Y PT 7.18	1945	LIBYAN	*	+	*
GZVY	FY 940	1945	LICHEN	M/S TRAWLER/DRIFTER	+	*
GCMP	L PT 100	1945	LIDDESDALE	DESTROYERS	+	*
VSXW	*	1961	LIEMBA	*	EAST AFRICA H.C.	HIGH COMMISSION

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
MAOX	*	1956	LIFELINE	*	ADMIRALTY	*
MAOX	*	1961	LIFELINE	*	ADMIRALTY	*
BJLT	+	1945	LIFELINE	*	*	*
GSKR	*	1910	LIFFEY	TWIN SCREW DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT
GRQC	+	1928	LIFFEY	TRAWLER	ROYAL NAVY	
GVRK	*	1939	LIFFEY	*	*	*
GVRX	T PT 81	1945	LIFFEY	*	*	*
MWFR	J PT 288	1945	LIGHTFOOT	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
GSKT	*	1910	LIGHTNING	TWIN SCREW DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT
CGBG	*	1964	LIGHTSHIP NO 4	*	CANADA	DEPT OF TRANSPORT
GPRJ	FY 1765	1945	LIGNY	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
4QRM	*	1956	LIHINIYA	*	CEYLON	*
4QRM	*	1961	LIHINIYA	*	CEYLON	*
4QRM	*	1964	LIHINIYA	*	ROYAL CEYLON NAVY	*
CYWG	+	1945	LIL II	*	*	*
GXXF	*	1939	LILAC	*	*	*
GXXF	T PT 26	1945	LILAC	TRAWLER	*	*
VTGG	+	1945	LILAVATI	*	*	*
MLPR	*	1961	LILIPUT	*	ROYAL YACHT SQUADRON	*
CGFL	*	1939	LILLOET	HYDRO SURVEY	CANADA	*
GKRG	+	1945	LILLY	*	*	*
GWVZ	+	1945	LILLY OAK	*	*	*
MPFC	*	1939	LILY MAID IV	MOTOR	R.Y.S.	*
CGGL	*	1961	LIMANDA	*	CANADA	FISHERIES PROTECTION
GRPN	+	1928	LIMOL	ROYAL FLEET AUX	ROYAL NAVY	*
GVXB	*	1939	LIMOL	*	*	*
GVXB	*	1956	LIMOL	*	ADMIRALTY	*
GVXB	*	1961	LIMOL	*	ADMIRALTY	*
MWDS	K PT 282	1945	LINARIA	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GPQB	G PT 42	1945	LINCOLN	DESTROYER	*	*
GTWB	*	1956	LINCOLN	*	*	*
GTWB	*	1961	LINCOLN	*	*	*
GTWB	*	1964	LINCOLN	*	ROYAL NAVY	*
MRWS	+	1945	LINCOLN SALVOR	*	*	*
GYQW	FY 222	1945	LINCOLNSHIRE	A/S TRAWLER	*	*
VRTD	*	1961	LINDEN	*	EAST AFRICA H.C.	HIGH COMMISSION
*	B PT 001	1945	LINDENES	A.S.R.C.	*	*
BXVF	+	1945	LINDI	*	*	*
MWIX	*	1956	LINDISFARNE	*	*	*
MWIX	T PT 361	1945	LINDISFARNE (DV11)	*	*	*
CYVB	K PT 338	1945	LINDSAY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTMT	J PT 423	1945	LINGAY	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
GSKV	+	1891	LINNET	TWIN SCREW GUN VSL	ROYAL NAVY	5 GUNS
GGBK	*	1939	LINNET	*	*	*
GGBK	M PT 69	1945	LINNET	MINELAYER	*	*
GGBK	*	1956	LINNETT	*	*	*
GGBK	*	1961	LINNETT	*	*	*
GGBK	*	1964	LINNETT	*	ROYAL NAVY	*
MCZS	*	1956	LINTIE	*	ROYAL YACHT SQUADRON	*
GSKW	*	1910	LION	BATTLE CRUISER	ROYAL NAVY	24 GUNS. BUILDING
MWSG	*	1961	LION	*	*	*
MWSG	*	1964	LION	*	ROYAL NAVY	*
GGZD	27 (C34)	1945	LION EX DEFENCE	CRUISER	*	*
MWNP	J PT 377	1945	LIONESS	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
MWNP	*	1956	LIONESS	*	*	*
QFLN	+	1945	LIPARI (I.S.)	*	*	*
BQRL	T PT 285	1945	LISCOMB	*	*	*
LSVW	*	1910	LISETTE	SCHOONER	ROYAL YACHT SQUADRON	*
ZBMD	*	1910	LISMORE	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND WEST COAST
ZBMD	+	1928	LISMORE	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND - WEST COAST
VLRX	J PT 145	1945	LISMORE	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
VLVL	*	1956	LISMORE	HOPPER BARGE	AUSTRALIA	N.S.WALES
VLVL	*	1961	LISMORE	HOPPER BARGE	AUSTRALIA	NEW SOUTH WALES
VLVL	*	1961	LISMORE	HOPPER BARGE	AUSTRALIA	NEW SOUTH WALES
*	K PT 439	1945	LISTOWEL	CORVETTE/FRIGATE	*	*
VMFJ	J PT 206	1945	LITHGOW	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
VMFJ	*	1956	LITHGOW	*	AUSTRALIA	R.A.N.
CGPY	*	1961	LITTLE BOW II	*	CANADA	ROYAL CANADIAN MOUNTED POLICE
MMDQ	Y PT 2.41	1945	LITTLE ORME	ARMAMENT STORE CARRIER	*	*
ZBNM	*	1910	LITTLE ROSS	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND WEST COAST
ZBNM	+	1928	LITTLE ROSS	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND - WEST COAST
GSLB	*	1910	LIVELY	TWIN SCREW DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT
GCFR	+	1945	LIVELY	*	*	*
GSLC	*	1910	LIVERPOOL	CRUISER	ROYAL NAVY	PROTECTED. BUILDING
GXYN	*	1939	LIVERPOOL	*	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GXYN	11	1945	LIVERPOOL	TOWN - LIGHT CRUISER	*	PAID OFF 1952
GXYN	*	1956	LIVERPOOL	*	*	*
GXYN	11	1945	LIVERPOOL	CRUISER	*	*
ZBCL	*	1910	LIZARD	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND SOUTH COAST
ZBCL	+	1928	LIZARD	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - SOUTH COAST
GSLD	+	1891	LIZARD	SINGLE SCREW BATTLESHIP	ROYAL NAVY	6 GUNS
GKRK	FY 1547	1945	LIZZIE BIRREL	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
MRSR	+	1945	LIZZIE WEST	*	*	*
MTYG	*	1956	LLANDAFF	*	*	*
MTYG	*	1961	LLANDAFF	*	*	*
MTYG	*	1964	LLANDAFF	*	ROYAL NAVY	*
GBTJ	J PT 67	1945	LLANDUDNO	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
+	4 PT 424	1945	LLANGIBBY CASTLE		*	*
GLWJ	F PT 108	1945	LLANSTEPHAN CASTLE	ARMED MERCHANT CRUISER	*	*
GKRS	+	1945	LLANTHONY	*	*	*
CYZB	J PT 278	1945	LLEWELLYN	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
CYZB	*	1956	LLEWELLYN	*	CANADA	R.C.N.
CYZD	J PT 279	1945	LLOYD GEORGE	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
GRQD	+	1928	LOBELIA	SLOOP	ROYAL NAVY	*
GCPJ	K PT 05	1945	LOBELIA	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWQW	K PT 424	1945	LOCH ACHANALT	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTJB	K PT 600	1945	LOCH ACHILLITY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWQY	K PT 426	1945	LOCH ACHRAY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTJC	K PT 601	1945	LOCH AFFRIC	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GFRP	+	1945	LOCH ALINE	*	*	*
MWRB	K PT 428	1945	LOCH ALVIE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRB	*	1956	LOCH ALVIE	*	*	*
MWRB	*	1961	LOCH ALVIE	*	*	*
MWRB	*	1964	LOCH ALVIE	*	ROYAL NAVY	*
BTJD	K PT 602	1945	LOCH ARD	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTJF	K PT 603	1945	LOCH ARKAIG	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GGRF	*	1956	LOCH ARKAIG	*	*	*
BTJG	K PT 604	1945	LOCH ARKLET	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTJJ	K PT 605	1945	LOCH ARNISH	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRP	K PT 04	1945	LOCH ASSYNT	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BBFL	+	1945	LOCH BLAIR	*	*	*
+	4 PT 203	1945	LOCH BLAIR		*	*
MWRG	+	1945	LOCH BOISDALE	*	*	*
MWRL	+	1945	LOCH BRACADALE	*	*	*
MKWT	+	1945	LOCH BUIE	*	*	*
+	FY 688	1945	LOCH BUIE	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
BTJK	+	1945	LOCH CARLOWAY	*	*	*
MWRM	+	1945	LOCH CARRON	*	*	*
BTJL	+	1945	LOCH CLUNIE	*	*	*
GGRZ	*	1956	LOCH COENDHU	*	*	*
BTJM	+	1945	LOCH COULSIDE	*	*	*
BTJN	+	1945	LOCH CRAGGIE	*	*	*
GGRJ	*	1956	LOCH CRAGGIE	*	*	*
GGRJ	*	1961	LOCH CRAGGIE	*	*	*
GGRJ	*	1964	LOCH CRAGGIE	*	ROYAL NAVY	*
MWRD	+	1945	LOCH CREE	*	*	*
MWQX	+	1945	LOCH DUNVEGAN	*	*	*
MWQX	*	1956	LOCH DUNVEGAN	*	*	*
MWQT	+	1945	LOCH ECK	*	*	RENAMED HAWEA - ZMXF
BTJQ	+	1945	LOCH EIL	*	*	*
MGVL	+	1945	LOCH ERIBOL	*	*	*
+	FY 704	1945	LOCH ERIBOL	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
BTJR	+	1945	LOCH ERICHT	*	*	*
BTJS	+	1945	LOCH ERISORT	*	*	*
MWLL	+	1945	LOCH FADA	*	*	*
MWLL	*	1956	LOCH FADA	*	*	*
MWLL	*	1961	LOCH FADA	*	*	*
MWLL	*	1964	LOCH FADA	*	ROYAL NAVY	*
BTJT	+	1945	LOCH FANNIEH	*	*	*
MWQV	+	1945	LOCH FION	*	*	*
BTJV	+	1945	LOCH FRISA	*	*	*
MWRC	+	1945	LOCH FYNE	*	*	*
MWRC	*	1956	LOCH FYNE	*	*	*
MWRC	*	1961	LOCH FYNE	*	*	*
MWRC	*	1964	LOCH FYNE	*	ROYAL NAVY	*
BTJW	+	1945	LOCH GARASDALE	*	*	*
BTJX	+	1945	LOCH GARVE	*	*	*
BTJY	+	1945	LOCH GLASHAN	*	*	*
MWQZ	+	1945	LOCH GLASS	*	*	*
BTJZ	+	1945	LOCH GLENDHU	*	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
BTKB	*	1945	LOCH GORM	*	*	*
GBTQ	*	1956	LOCH GORM	*	*	*
GBTQ	*	1961	LOCH GORM	*	*	*
BTKC	K PT 621	1945	LOCH GRIAM	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKD	K PT 622	1945	LOCH HARPORT	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKF	K PT 623	1945	LOCH HARRAY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKG	K PT 624	1945	LOCH HEILEN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
*	4 PT 97	1945	LOCH HOPE	*	*	*
MWRJ	K PT 433	1945	LOCH INSH	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRJ	*	1956	LOCH INSH	*	*	*
MWRJ	*	1961	LOCH INSH	*	*	*
MWRJ	*	1964	LOCH INSH	*	ROYAL NAVY	*
BTKE	K PT 626	1945	LOCH KEN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKE	K PT 627	1945	LOCH KILBIRNIE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWLM	K PT 391	1945	LOCH KILLIN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWLM	*	1956	LOCH KILLIN	*	*	*
BTKE	K PT 628	1945	LOCH KILLISPORT	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GGSX	*	1956	LOCH KILLISPORT	*	*	*
GGSX	*	1961	LOCH KILLISPORT	*	*	*
GGSX	*	1964	LOCH KILLISPORT	*	ROYAL NAVY	*
BTKE	K PT 629	1945	LOCH KIRBISTER	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GWXL	Z PT 123	1945	LOCH LAGGAN	BOOM DEFENCE	*	*
BTKE	K PT 630	1945	LOCH LAXFORD	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GTBY	FY 642	1945	LOCH LEVEN	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
BTKE	K PT 631	1945	LOCH LINFERN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKE	K PT 632	1945	LOCH LINNHE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRN	K PT 437	1945	LOCH LOMOND	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRN	*	1956	LOCH LOMOND	*	*	*
MWRN	*	1961	LOCH LOMOND	*	*	*
MWRN	*	1964	LOCH LOMOND	*	ROYAL NAVY	*
GRPB	*	1928	LOCH LONG	NAVAL ARMAMENT VSL	ROYAL NAVY	*
GVWW	*	1939	LOCH LONG	*	*	*
GWYF	Z PT 165	1945	LOCH LONG	BOOM DEFENCE	*	*
BTKE	K PT 634	1945	LOCH LYDOCH	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKE	K PT 635	1945	LOCH LYON	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKE	K PT 636	1945	LOCH MADDY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GWYP	FY 151	1945	LOCH MELFORT	A/S TRAWLER	*	*
BTKE	K PT 637	1945	LOCH MINNICK	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTKE	K PT 638	1945	LOCH MOCHRUM	CORVETTE/FRIGATE	*	*
*	4 PT 229	1945	LOCH MOIDART	*	*	*
GYWR	FY 135	1945	LOCH MONTEITH	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - HULL
BTKE	K PT 639	1945	LOCH MORE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GGTR	*	1956	LOCH MORE	*	*	*
GGTR	*	1961	LOCH MORE	*	*	*
MWZT	K PT 517	1945	LOCH MORLICH	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 640	1945	LOCH MUIELE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 641	1945	LOCH NELL	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BBCS	M PT 41	1945	LOCH NEVIS	MINELAYER	*	*
BTLE	K PT 642	1945	LOCH ODAIRN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GZQX	FY 175	1945	LOCH OSKAIG	A/S TRAWLER	*	*
BTLE	K PT 643	1945	LOCH OSSIAN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MXKC	FY 1835	1945	LOCH PARK	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
MWRK	K PT 434	1945	LOCH QUOICH	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRK	*	1956	LOCH QUOICH	*	*	*
GKRW	FY 779	1945	LOCH RANNOCH	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
BTLE	K PT 644	1945	LOCH ROAN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 645	1945	LOCH RUTHVEN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GGVZ	*	1956	LOCH RUTHVEN	*	*	*
GGVZ	*	1961	LOCH RUTHVEN	*	*	*
GGVZ	*	1964	LOCH RUTHVEN	*	ROYAL NAVY	*
ZBNH	*	1910	LOCH RYAN	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND WEST COAST
ZBNH	*	1928	LOCH RYAN	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND - WEST COAST
BTLE	K PT 646	1945	LOCH RYAN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 648	1945	LOCH SCAVAIG	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GGSK	*	1956	LOCH SCAVAIG	*	*	*
BTLE	K PT 649	1945	LOCH SCRIDAIN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 650	1945	LOCH SEAFORTH	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 647	1945	LOCH SEAMADALE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWQS	K PT 421	1945	LOCH SHIN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 651	1945	LOCH SWANNAY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 652	1945	LOCH TANNA	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRF	K PT 431	1945	LOCH TARBERT	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWRF	*	1956	LOCH TARBERT	*	*	*
BTLE	K PT 653	1945	LOCH TILT	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLE	K PT 654	1945	LOCH TORRIDON	CORVETTE/FRIGATE	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
BTLV	K PT 655	1945	LOCH TRALAIG	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GGVD	*	1956	LOCH TRALAIG	*	*	*
GGVD	*	1961	LOCH TRALAIG	*	*	*
GWVD	FY 199	1945	LOCH TULLA	A/S TRAWLER	*	*
BTLW	K PT 656	1945	LOCH URIGILL	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTIX	K PT 657	1945	LOCH VENNACHER	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BTLY	K PT 658	1945	LOCH VEYATIE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GGVN	*	1956	LOCH VEYATIE	*	*	*
GGVN	*	1961	LOCH VEYATIE	*	*	*
GGVN	*	1964	LOCH VEYATIE	*	ROYAL NAVY	*
BTIZ	K PT 659	1945	LOCH WATTEN	CORVETTE/FRIGATE	*	*
ZBXH	*	1928	LOCHINDAUL ISLAY	LIGHT	TRINITY HOUSE	IRELAND - WEST COAST
ZBXH	*	1928	LOCHINDAUL ISLAY	LIGHT	TRINITY HOUSE	SCOTLAND - WEST COAST
MSBF	K PT 365	1945	LOCHY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MSBF	*	1956	LOCHY	*	*	*
BTKI	K PT 625	1945	LOCK KATRINE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BGIQ	J PT 100	1945	LOCKEPORT	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
GSLT	*	1910	LOCUST	TWIN SCREW DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT
+	T PT 28	1945	LOCUST	TRAWLER	*	*
GGWG	T PT 285	1945	LOCUST	*	*	*
GGWG	*	1956	LOCUST	*	*	*
MVFM	*	1956	LOFOTEN	*	*	*
MVFM	*	1961	LOFOTEN	*	*	*
MVFM	*	1964	LOFOTEN	*	ROYAL NAVY	*
GWPL	FY 781	1945	LOIS	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
SNOR	*	1964	LOKOJA	*	NIGERIAN NAVY	*
+	4 PT 169	1945	LOMBARD		*	*
GSLV	*	1910	LONDON	TWIN SCREW BATTLESHIP	ROYAL NAVY	16 GUNS
GRPC	*	1928	LONDON	CRUISER	ROYAL NAVY	*
GVRN	*	1939	LONDON	*	*	*
GHFZ	*	1961	LONDON	*	*	*
GHFZ	*	1964	LONDON	*	ROYAL NAVY	*
GVRN	69	1945	LONDON	COUNTY - HEAVY CRUISER	*	SCRAPPED 1950
GVRN	69	1945	LONDON	CRUISER	*	*
GJLC	FY 052	1945	LONDON PRIDE	M/S YACHT	*	*
GXSK	*	1939	LONDONDERRY	*	*	*
MXRV	*	1964	LONDONDERRY	*	ROYAL NAVY	*
GXSK	U PT 76	1945	LONDONDERRY	SLOOP	*	*
MXVK	*	1961	LONE FOX	*	ROYAL YACHT SQUADRON	*
MWLX	T PT 366	1945	LONGA	*	*	*
GPZN	*	1956	LONGA	*	SCOTLAND	HOME DEPARTMENT
GPZN	*	1961	LONGA	*	*	DEPT OF AG & FISH FOR SCOTLAND
GPZN	*	1964	LONGA	*	SCOTLAND	DEPT OF AG. & FISH
QBMV	G PT 55	1945	Longbow	DESTROYER	*	*
CZGK	K PT 487	1945	Longbranch	CORVETTE/FRIGATE	*	*
AFPE	*	1910	LONGSAND	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	*
AFPE	*	1928	LONGSAND	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	*
BJYS	*	1945	LONGSCAR	*	*	*
ZBCH	*	1910	LONGSHIPS	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND SOUTH COAST
ZBCH	*	1928	LONGSHIPS	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - SOUTH COAST
ZBGV	*	1910	LONGSTONE	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND EAST COAST - FARN ISLAND
ZBGV	*	1928	LONGSTONE FARN ISLANDS	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - EAST COAST
CGZZ	K PT 672	1945	LONGUEUIL	CORVETTE/FRIGATE	*	*
QDDQ	+	1945	LOODSWEZEN	*	*	*
GCFS	G PT 32	1945	LOOKOUT	DESTROYER	*	*
GZND	+	1945	LOON	*	*	*
CGLO	*	1956	LOON	*	CANADA	R.C.N.
CGLO	*	1961	LOON	*	CANADA	R.C.N.
CGLO	*	1964	LOON	*	CANADA	R.C.N.
ZBWP	*	1910	LOOP HEAD	LIGHT	TRINITY HOUSE	IRELAND WEST COAST
ZBWP	+	1928	LOOP HEAD	LIGHT	TRINITY HOUSE	IRELAND - WEST COAST
GPZZ	K PT 105	1945	LOOSESTRIFE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
BXZI	+	1945	LORANTHUS	*	*	*
GTJY	FY 694	1945	LORD ASHFIELD	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GDDM	FY 220	1945	LORD AUSTIN	A/S TRAWLER	*	*
GZNV	FY 929	1945	LORD BARHAM	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GTJR	FY 608	1945	LORD BEACONSFIELD	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GYQM	+	1945	LORD COLLINGWOOD	*	*	*
GWSM	*	1928	LORD COMBERMERE	*	BARBADOS	GOVERNMENT OF
GPRD	FY 1774	1945	LORD DARLING	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
BXZM	+	1945	LORD DUNWICH	*	*	*
GYTW	FY 218	1945	LORD ESSENDEN	A/S TRAWLER	*	*
MNBP	Z PT 111	1945	LORD GAINFORD	BOOM DEFENCE	*	*
GTKS	FY 1593	1945	LORD GREY	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GWLT	+	1891	LORD HEATHFIELD	STEAM VESSEL	WAR DEPARTMENT	

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GZZR	FY 930	1945	LORD HOOD	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GYTV	FY 133	1945	LORD HOTHAM	A/S TRAWLER	*	*
GJLG	*	1945	LORD HOWE	*	*	*
GDOZK	FY 1611	1945	LORD INCHCAPE	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GTKDN	FY 1617	1945	LORD IRWIN	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GYQD	FY 1884	1945	LORD KEITH	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GWMC	FY 157	1945	LORD LLOYD	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - HULL
GCKZ	FY 672	1945	LORD MELCHET	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	REGISTERED - HULL
GYTX	FY 219	1945	LORD MIDDLETON	A/S TRAWLER	*	*
GSLQ	*	1910	LORD NELSON	TWIN SCREW BATTLESHIP	ROYAL NAVY	TW.SC.BAT.SH - 14 GUNS
MLCK	FY 780	1945	LORD NORTHCLIFFE	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	REGISTERED - GRIMSBY
GZNB	FY 221	1945	LORD NUFFIELD	A/S TRAWLER	*	*
GWKB	*	1891	LORD PANMURE	STEAM VESSEL	WAR DEPARTMENT	
GWQM	FY 181	1945	LORD PIENDER	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - HULL
GWTK	*	1928	LORD PLUMER	*	UK - WAR DEPARTMENT	*
VGZJ	*	1961	LORD SELKIRK	*	CANADA	DEPT OF TRANSPORT
GYKP	FY 163	1945	LORD STANHOPE	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - HULL
GWKQ	*	1891	LORD VIVIAN		WAR DEPARTMENT	
GYQN	FY 170	1945	LORD WAKEFIELD	A/S TRAWLER	*	*
VVRJ	*	1939	LORD WELLINGTON	DREDGEFR	MADRAS	COCHINE
BWCB	*	1928	LORD WILLINGDON	DREDGER	ROYAL INDIA MARINE	COCHIN, MADRAS
VVRJ	*	1956	LORD WILLINGDON	DREDGER	COCHIN HARBOUR	*
VVRJ	*	1961	LORD WILLINGDON	DREDGER	*	COCHIN HARBOUR
GWNQ	*	1910	LORD WOLSELEY	STEAMSHIP	WAR DEPARTMENT	*
GWNQ	*	1928	LORD WOLSELEY	*	UK - WAR DEPARTMENT	*
MZSS	K PT 565	1945	LORING	CORVETTE/FRIGATE	*	*
WCDQ	*	1891	LORNA		ROYAL YACHT SQUADRON	
HBNJ	*	1928	LORNA	SINGLE SCREW STEAMER	ROYAL YACHT SQUADRON	*
MCBV	*	1939	LORNA	SC.ST.	R.Y.S.	*
*	4 PT 65	1945	LORNA (LOMA ?)		*	*
*	4 PT 402	1945	LORNA DOONE		*	*
VSBM	*	1961	LORNA DOONE	*	SARAWAK	*
*	4 PT 170	1945	LORRAINE		*	*
GKCW	*	1945	LORRAINE	*	FRANCE	*
MWGM	K PT 303	1945	LOSSIE	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GSCZ	*	1945	LOT	*	FRANCE	*
GNGC	F PT 168	1945	LOTHIAN	A.M.C. LSHQ	*	*
GWCS	*	1891	LOT'S WIFE	COASTGUARD VESSEL	INDIA MARINE - BOMBAY	
GWCS	*	1910	LOT'S WIFE	YACHT	R.I.M. - BOMBAY	
GWCS	*	1928	LOT'S WIFE	YACHT	ROYAL INDIA MARINE	COLLECTOR OF SALT REVENUE'S YACHT
VVSL	*	1939	LOT'S WIFE	COLLECTOR OF SALT REVENUE'S YACHT	BOMBAY	*
JWMH	*	1891	LOTUS	SINGLE SCREW STEAM	ROYAL YACHT SQUADRON	
BXRR	K PT 130	1945	LOTUS	CORVETTE/FRIGATE	*	*
MWYG	K PT 515	1945	LOUIS	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GTKW	FY 1917	1945	LOUIS ET MARIE	M/S TRAWLER/DRIFTER	FRENCH	*
CGTM	K PT 401	1945	LOUISBERG	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GWQD	*	1910	LOUISE	STEAMSHIP	WAR DEPARTMENT	*
GWQD	*	1928	LOUISE	*	UK - WAR DEPARTMENT	*
BGWL	FY 942	1945	LOVANIA	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
*	Y PT 3.16	1945	LOVESTAD	COLLIER	*	*
GRPT	*	1928	LOWESTOFT	CRUISER	ROYAL NAVY	*
ZBFK	*	1928	LOWESTOFT	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - EAST COAST
GVMF	*	1939	LOWESTOFT	*	*	*
GVMF	U PT 59	1945	LOWESTOFT	SLOOP	*	*
GDBU	*	1964	LOWESTOFT	*	ROYAL NAVY	*
ZBFK	*	1910	LOWESTOFT HIGHT LIGHT	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND EAST COAST
ZBFL	*	1910	LOWESTOFT LOW LIGHT	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND EAST COAST
GTDW	FY 782	1945	LOWTHER	M/S TRAWLER/DRIFTER	*	*
GCIF	G PT 15	1945	LOYAL	DESTROYER	*	*
GZQK	FY 298	1945	LOYAL FRIEND	A/S TRAWLER	*	*
MWQZ	K PT 427	1945	LUCE BAY	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GRPV	*	1928	LUCIA	SUB. DEPOT SHIP	ROYAL NAVY	*
GVRP	*	1939	LUCIA	*	*	*
GVRP	F PT 27	1945	LUCIA	ARMED MERCHANT CRUISER	*	*
GTRR	FY 894	1945	LUCIENNE JEANNE	M/S TRAWLER/DRIFTER	FRENCH	*
ZBTD	*	1910	LUCIFER SHOALS	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	IRELAND EAST COAST
ZBTD	*	1928	LUCIFER SHOALS	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	IRELAND - EAST COAST
VWKY	T PT 267	1945	LUCKNOW	*	*	*
GSLW	*	1910	LUCY	TUG	ROYAL NAVY	TUG AND CARGO VESSEL
GRPW	*	1928	LUCY	NAVAL ARMAMENT VSL	ROYAL NAVY	*
GPGQ	Y PT 2.71	1945	LUCY BORCHARDT	AMMUNITION SHIP	*	*
MDXG	Y PT 7.34	1945	LUDA LORD	*	*	*
GXVR	*	1939	LUDGATE	*	*	*
GSDG	*	1956	LUDHAM	*	*	*
GSDG	*	1961	LUDHAM	*	*	*

C/S	PT NO	YEAR	NAME	CLASS/TYPE	COUNTRY/ ORGANISATION	REMARKS
GSDG	*	1964	LUDHAM	*	ROYAL NAVY	*
BBDZ	G PT 57	1945	LUDELOW	DESTROYER	*	*
ZSBD	*	1939	LUDWIG WIENER	*	SOUTH AFRICA	*
ZQTM	*	1961	LUDWIG WIENER	*	SOUTH AFRICA	*
VSXC	*	1961	LUGARD	*	EAST AFRICA H.C.	HIGH COMMISSION
VSXS	*	1961	LUGARD II	*	EAST AFRICA H.C.	HIGH COMMISSION
GSRV	*	1956	LULLINGTON	*	*	*
GSRV	*	1961	LULLINGTON	*	*	*
GSRV	*	1964	LULLINGTON	*	ROYAL NAVY	*
MLQG	+	1891	LULWORTH		ROYAL YACHT SQUADRON	
BGDG	Y PT 60	1945	LULWORTH	CUTTER	*	*
MNNK	*	1956	LUMBERJACK	*	ROYAL YACHT SQUADRON	*
GRKP	Z PT 189	1945	LUMINARY	BOOM DEFENCE	*	*
GWCT	*	1910	LUNA	HOOGLY	R.I.M. - CALCUTTA	COMMISSIONERS OF THE PORT
GWCT	+	1928	LUNA	LIGHT VESSEL	ROYAL INDIA MARINE	*
GRQJ	+	1928	LUNAR BOW	DRIFTER	ROYAL NAVY	*
GVRQ	*	1939	LUNAR BOW	*	*	*
GVRQ	Z PT 62	1945	LUNAR BOW	DRIFTER	*	*
BJQK	B PT 003	1945	LUNARY	A.S.R.C.	*	*
GGMM	*	1956	LUNDY	*	*	*
GGMV	*	1961	LUNDY	*	ADMIRALTY	*
GGMV	*	1964	LUNDY	*	UK - ADMIRALTY	*
BJSS.	T PT 272	1945	LUNDY (DV12)	*	*	*
ZBRX	*	1910	LUNDY NORTH	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND WEST COAST
ZBRX	+	1928	LUNDY NORTH	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - WEST COAST
ZBSC	*	1910	LUNDY SOUTH	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND WEST COAST
ZBSC	+	1928	LUNDY SOUTH	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - WEST COAST
+	4 PT 416	1945	LUNE		*	*
AEVZ	+	1928	LUNE GAS BOAT	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	*
CGTV	K PT 151	1945	LUNNENBURG	CORVETTE/FRIGATE	*	*
GRQB	+	1928	LUPIN	SLOOP	ROYAL NAVY	*
GVRR	*	1939	LUPIN	*	*	*
GVRR	U PT 19	1945	LUPIN	SLOOP	*	*
BXTW	FY 347	1945	LURCHER	A/S TRAWLER	*	REGISTERED - GLASGOW
GRPJ	*	1928	LYDD	MINESWEEPER	ROYAL NAVY	*
GVRS	*	1939	LYDD	*	*	*
GVRS	J PT 44	1945	LYDD	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
GWWW	+	1945	LYDD II	*	*	*
GJPB	FY 177	1945	LYDIARD	A/S TRAWLER	*	*
HLCG	*	1910	LYGIA	YAWL	ROYAL YACHT SQUADRON	*
GMFT	J PT 319	1945	LYME REGIS	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
ZBRT	*	1910	LYNMOUTH FORELAND	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND WEST COAST
ZBRT	+	1928	LYNMOUTH FORELAND	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - WEST COAST
AFNE	*	1910	LYNN WELL	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	*
AFNE	+	1928	LYNN WELL	LIGHT SHIP	TRINITY HOUSE	*
ZBQH	*	1910	LYNUS	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND WEST COAST
ZBQH	+	1928	LYNUS	LIGHT	TRINITY HOUSE	ENGLAND - WEST COAST
GSMB	*	1910	LYNX	TWIN SCREW DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT
CGLM	+	1945	LYNX	*	*	*
GSPS	*	1956	LYNX	*	*	*
GSPS	*	1961	LYNX	*	*	*
GSPS	*	1964	LYNX	*	ROYAL NAVY	*
PNGR	+	1891	LYRA	SINGLE SCREW STEAM	ROYAL YACHT SQUADRON	
GSMD	*	1910	LYRA	TURBINE DESTROYER	ROYAL NAVY	TORPEDO BOAT BUILDING
MWNR	J PT 379	1945	LYSANDER	MINESWEEPER/SURVEY VESSEL	*	*
MMGP	*	1956	LYSANDER	*	*	*